

Số: **783**/BKHDĐT-TCTK

Hà Nội, ngày **08** tháng 02 năm 2023

V/v đề nghị góp ý dự thảo Quyết định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3, Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg).

Để có cơ sở hoàn thiện dự thảo Quyết định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến góp ý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg.

Văn bản tham gia ý kiến của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (qua Tổng cục Thống kê) **trước ngày 25/02/2023** (văn bản điện tử xin gửi về địa chỉ email: tochuccanbo@gso.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Công văn gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Quyết định; (3) Đề án Kiện toàn các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê; (4) Văn bản thẩm định của Bộ Nội vụ. *mv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Vụ TCCB;
- Lưu: VT, TCTK *N₄*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Loràn Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

“Dự thảo”

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê kính trình Thủ tướng Chính phủ với các nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

Thực hiện Luật Thống kê năm 2015, Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ và những yêu cầu đổi mới về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức đáp ứng thời kỳ công nghệ số cũng như tinh thần chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Ngày 18/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg) thay thế Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010.

Triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê

đã sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, cụ thể: sắp xếp đơn vị cấp Vụ thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê (giảm 4 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp Vụ xuống cấp phòng); thống nhất thực hiện mô hình 5 phòng tại 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*từ 425 phòng còn 315 phòng, giảm 110 phòng, tương đương giảm 220 lãnh đạo cấp phòng*).

Cùng với đó, Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục, gồm: 15 đơn vị hành chính thuộc cơ quan Tổng cục, 63 Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực; các phòng thuộc Cục Thống kê, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Văn phòng Tổng cục.

Sau hơn 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo mô hình tổ chức mới với mục tiêu của việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trên nhằm thống nhất quản lý các hoạt động thu thập thông tin thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê nói riêng và các sản phẩm thống kê nói chung, đồng thời chuyên môn hóa hoạt động thống kê theo quy định tại Luật Thống kê 2015, Tổng cục Thống kê đã đạt được kết quả bước đầu trên các mặt như sau:

- Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ: việc triển khai, thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg đã bao quát được 4 chức năng của Tổng cục Thống kê là: tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế-xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Các nhiệm vụ chính trị được tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cấp huyện, phục vụ kịp thời thông tin thống kê giúp lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của đất nước cũng như của từng địa phương.

- Về việc thực hiện mô hình tổ chức tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg:

+ Khắc phục được những tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời phân định rõ các bước của hoạt động thống kê, đặc biệt là bước thu thập thông tin, tiếp nhận, xử lý dữ liệu đầu vào, sử dụng thông tin đầu ra.

+ Đáp ứng được những đòi hỏi về tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời, khả năng tiếp cận, khả năng thích ứng, tính chặt chẽ của thông tin thống kê, đồng thời thực hiện theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình sản xuất thông tin thống kê.

+ Đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, cụ thể: Đáp ứng quan điểm và nguyên tắc kiện toàn mô hình tổ chức trong thời kỳ mới; những yêu cầu mới của Luật Thống kê năm 2015, yêu cầu thực tiễn, yêu cầu hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chỉ tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đối với cơ quan thống kê ở Trung ương và cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh. Nhưng đối với Chi cục Thống kê khu vực có tinh gọn nhưng hoạt động không hiệu lực, không hiệu quả và còn nhiều bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, công tác cán bộ, đảng, đoàn thể... (Chi tiết tại Đề án kèm theo).

Ngày 28/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; ngày 07/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 120/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Chính vì vậy, để phù hợp, đáp ứng yêu cầu quy định tại các văn bản trên, Tổng cục Thống kê tiếp tục rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức cấp phòng tại các đơn vị tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Căn cứ chính trị, pháp lý

a) Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, với mục tiêu: Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút người có đức, có tài vào hoạt động công vụ; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn các đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

b) Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Luật Thống kê ngày 23/11/2015;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2018/NĐ-CP.

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Các văn bản chỉ đạo điều hành: Nghị quyết số 08/2021/QH15 ngày 23/7/2021 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 12/8/2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ trực tuyến toàn quốc với các địa phương về tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm

2021; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5319/VPCP-TCCV ngày 04/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn bản số 1156/TTg-TCCV ngày 13/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chỉ thị số 7/CT-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê nhà nước

3. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 02 năm thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, qua tổng hợp đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao từ cơ quan Tổng cục Thống kê đến Chi cục Thống kê cấp huyện đã đạt một số kết quả nhất định, tuy nhiên cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc cần được khắc phục. Cụ thể như sau:

3.1. Một số kết quả đạt được

a) Về tinh giảm đầu mối tổ chức bên trong Tổng cục Thống kê

- Giảm 4 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp Vụ xuống cấp phòng. Thành lập Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; sáp nhập Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư và Vụ Thống kê Công nghiệp thành Vụ Thống kê Công nghiệp - Xây dựng.

- Sắp xếp các Phòng thuộc 63 Cục Thống kê cấp tỉnh thống nhất thực hiện mô hình 5 phòng (*từ 425 phòng còn 315 phòng, giảm 110 phòng*).

- Tính đến 01/9/2021, thành lập 131 Chi cục Thống kê khu vực, giảm 140 Chi cục Thống kê cấp huyện từ 705 Chi cục còn 565 Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực.

- Việc sắp xếp tổ chức lại các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê đã giảm được 8 lãnh đạo cấp Vụ; 220 lãnh đạo phòng thuộc 63 Cục Thống kê và 280 lãnh đạo Chi cục Thống kê cấp huyện.

Tóm lại, việc thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII là tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở cơ quan Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê cấp tỉnh. Riêng Chi cục Thống kê khu vực còn nhiều khó khăn, vướng mắc và hoạt động không hiệu lực, hiệu quả cần được khắc phục.

b) Về thực hiện nhiệm vụ chính trị

Sau hơn 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo mô hình tổ chức mới với mục tiêu của việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị nhằm thống nhất quản lý các hoạt động thu thập thông tin thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê nói riêng và các sản phẩm thống kê nói chung, đồng

thời chuyên môn hóa hoạt động thống kê theo quy định tại Luật Thống kê 2015, Tổng cục Thống kê đã đạt được kết quả bước đầu trên các mặt như sau:

- Việc triển khai, thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg đã bao quát được 4 chức năng của Tổng cục Thống kê là tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Các nhiệm vụ chính trị được tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cấp huyện, phục vụ kịp thời thông tin thống kê giúp lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của đất nước cũng như của từng địa phương.

- Khắc phục được những tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời phân định rõ các bước của hoạt động thống kê, đặc biệt là bước thu thập thông tin, tiếp nhận, xử lý dữ liệu đầu vào, sử dụng thông tin đầu ra.

- Đáp ứng được những đòi hỏi về tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời, khả năng tiếp cận, khả năng giải thích, tính chặt chẽ của thông tin thống kê, đồng thời thực hiện theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình thống kê.

- Đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, cụ thể: Đáp ứng quan điểm và nguyên tắc kiện toàn mô hình tổ chức trong thời kỳ mới; những yêu cầu mới của Luật Thống kê năm 2015, yêu cầu thực tiễn, yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Một số hạn chế, khó khăn

Tổng cục Thống kê cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg và chưa đạt được mục tiêu hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, đặc biệt đối với việc sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện thành Chi cục Thống kê khu vực, cụ thể:

- *Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị:* Khi chưa sáp nhập, công tác thống kê được chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền cấp huyện mang lại hiệu quả cao, nhất là khâu tổ chức chỉ đạo thu thập thông tin thống kê từ cấp cơ sở; các đối tượng cung cấp thông tin (UBND cấp xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân) vẫn mặc định gắn với quản lý, điều hành của UBND cấp huyện nên ý thức chấp hành cao. Tuy nhiên, khi sáp nhập, việc tổ chức triển khai nhiệm vụ trên địa bàn liên huyện cần phải xin ý kiến chỉ đạo của cả hai UBND cấp huyện gây chậm trễ, thiếu đồng bộ, đặc biệt việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện khi triển khai các cuộc Tổng điều tra thống kê rất bất cập; khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, cung cấp, phân tích thông tin thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện và các thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược, đề án phát triển kinh tế xã hội, nhiệm kỳ đại hội, các thông tin đột xuất khác gắn với địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Khó khăn về biên chế công chức:

Tổng cục Thống kê được giao 6.090 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2015 và 5.460 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2021. Tính chung, giai đoạn 2016-2021, giảm 630 chỉ tiêu, tương đương 10,34% so với số được giao năm 2015. Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế được giao năm 2015, như vậy biên chế công chức của ngành Thống kê đã bị giảm trên 10%. Tính bình quân số biên chế cấp phòng và tương đương thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh hiện nay là 4,6 biên chế/phòng.

+ Khi sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện, số lượng công chức của một Chi cục Thống kê khu vực quá ít, trung bình 07-09 công chức trong khi phải theo dõi tình hình kinh tế - xã hội của 02 đến 03 đơn vị hành chính cấp huyện, thường xuyên thực hiện việc biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội quý, 6 tháng, năm; gia đồng thời triển khai các cuộc điều tra, tổng điều tra; tham gia vào các Ban Chỉ đạo công tác của huyện như xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo; tham gia các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện cùng phát sinh vào một thời điểm và yêu cầu của Lãnh đạo huyện là Chi cục trưởng tham dự để trả lời các vấn đề phát sinh về tình hình kinh tế - xã hội...

Với lực lượng biên chế như hiện nay và phạm vi quản lý rộng nên không thể đáp ứng được các yêu cầu công tác của Cục Thống kê và địa phương giao dẫn đến quá tải, không nắm sát tình hình của từng huyện để phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền cấp huyện. Và hiện nay không có Chi cục cấp huyện nào chỉ có 4,6 chỉ tiêu biên chế/huyện.

+ Việc bố trí công chức ở 02 địa điểm làm việc khác nhau, phạm vi rộng, nhân lực mỏng vì vậy quá trình điều hành của Lãnh đạo Chi cục rất khó khăn nhất là khi phải triển khai nhiều công tác cùng một thời điểm dẫn đến phát sinh chi phí trong khi nguồn kinh phí được cấp không được bổ sung cho các phát sinh này. Mặt khác, với khối lượng công việc và đặc thù địa lý Việt Nam kéo dài từ Bắc vào Nam, địa hình không giống nhau, gồm các vùng miền núi, đồng bằng, trung du, biên giới, hải đảo,...nên việc phân bổ dân cư, số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh... tại các địa phương không đều gây khó khăn đối với việc đi lại của công chức khi triển khai thu thập, giám sát các cuộc điều tra, tổng điều tra, phải đến từng doanh nghiệp và hộ gia đình để thu thập thông tin thống kê.

+ Việc phối hợp công tác với các phòng, ban cấp huyện bị hạn chế so với trước đây do nhân lực thống kê bị phân tán (nhất là đối với địa điểm làm việc không đặt trụ sở chính của Chi cục Thống kê khu vực). Vì vậy trên lý thuyết, vị thế của Chi cục Thống kê khu vực so với Phòng thống kê cấp huyện trước đây được nâng lên nhưng trong thực tế bị giảm xuống vì các lý do nêu trên, đặc biệt là không thể đáp ứng được các yêu cầu công tác của Cục Thống kê và địa phương giao, không nắm sát tình hình của từng huyện để phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính quyền cấp huyện, cấp xã.

- *Khó khăn về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc:* Do việc thực hiện nhiệm vụ chính trị vẫn theo địa bàn hành chính cấp huyện nên Trụ sở làm việc hiện nay vẫn do Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí. Nhiều Chi cục chưa được cấp kinh phí xây dựng Trụ sở Chi cục Thống kê khu vực do chi phí vận hành hoạt động của Chi cục Thống kê khu vực lớn (tăng chí phí mặt bằng, xây dựng, bảo vệ, di tu bảo dưỡng sửa chữa hàng năm); trụ sở làm việc hiện nay của Chi cục Thống kê chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng tối đa là 5 công chức. Do vậy, không thể bố trí công chức làm việc tại Chi cục Thống kê khu vực đóng trụ sở chính có từ 7-9 công chức.

- *Khó khăn về công tác cán bộ, đảng, đoàn thể:* Với số lượng biên chế của Chi cục Thống kê quá ít, công tác tuyển dụng cũng gặp nhiều khó khăn; số lượng đảng viên hầu hết các Chi cục Thống kê không đủ để thành lập Chi bộ độc lập mà chủ yếu sinh hoạt ghép với các Chi bộ khác thuộc hai Huyện ủy. Hiện nay, chưa có quy định cụ thể về sinh hoạt đảng ở các Chi cục Thống kê khu vực. Do vậy, khó khăn để thành lập Chi bộ thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của Chi cục Thống kê khu vực. Hiện nay, công chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn hành chính cấp huyện vẫn công tác, sinh hoạt đảng tại trụ sở cũ. Do vậy, khi bổ nhiệm công chức lãnh đạo khó khăn trong việc xin ý kiến hiệp ý của cấp ủy đảng cùng cấp. Công tác bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp, điều chuyển vị trí công tác. Công tác công đoàn, đoàn thanh niên cũng khó khăn tương tự như công tác đảng.

4. Kết quả đánh giá khi thực hiện mô hình tổ chức thống kê khu vực

Tổng cục Thống kê đã tổ chức khảo sát lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND và lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc 268 huyện thực hiện mô hình tổ chức thống kê khu vực, kết quả như sau:

4.1. Lấy ý kiến đối với lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh với số phiếu là 1.362 phiếu.

Kết quả: 76,8% ý kiến lựa chọn mô hình Phòng Thống kê theo đơn vị hành chính là mô hình phù hợp nhất; 70,12% ý kiến đánh giá mô hình Chi cục Thống kê khu vực hiện nay không phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu trong công tác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê và các nhiệm vụ chính trị đối với cấp huyện hiện nay.

4.2. Lấy ý kiến đối với lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh với số phiếu là 2.868 phiếu,

Kết quả: 76,54% ý kiến đánh giá mô hình Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính cấp huyện là phù hợp nhất đối với công tác phối hợp thực hiện sự chỉ đạo, điều hành, quản lý của lãnh đạo huyện, đồng thời triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê ở cấp huyện. Đối với mô hình Chi cục Thống kê khu vực như hiện nay là không phù hợp, hoạt động không hiệu lực, hiệu quả.

Tóm lại, trên cơ sở lấy ý kiến của lãnh đạo cấp huyện và lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện, kết quả thu được là **Mô hình Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính** thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh được đánh giá là

mô hình tổ chức thống kê cấp huyện **phù hợp nhất** trong công tác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Đề xuất cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê và Chi cục Thống kê cấp huyện tại Quyết định sửa đổi Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg

Căn cứ vào phân tích những thuận lợi, khó khăn vướng mắc nêu trên khi triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ một số nội dung sau:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Thống kê đã quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, vì đã bao quát được hết chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp với Luật Thống kê 2015 và Luật sửa đổi Luật Thống kê 2021.

b) Về cơ cấu tổ chức các đơn vị bên trong Tổng cục Thống kê

- Tại cơ quan Tổng cục

+ Giữ nguyên 15 đơn vị hành chính cấp Vụ thuộc cơ quan Tổng cục vì đã tiếp cận với Nghị quyết số 18, Nghị quyết số 19 và các tiêu chí thành lập Vụ, Cục theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; đã phân định rõ, dành mạch về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; sắp xếp các đơn vị cấp phòng thuộc Văn phòng Tổng cục, giảm từ 6 phòng xuống còn 5 phòng đảm bảo tiêu chí quy định Phòng phải bố trí 7 biên chế công chức trở lên.

+ Giữ nguyên 5 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Thống kê; 04 đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê vì đã đảm bảo tiêu chí thành lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Sắp xếp các đơn vị cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp đảm bảo tiêu chí quy định: công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên.

- Tại cơ quan 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Cục Thống kê cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn tương đương cấp Sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ (viết gọn là Nghị định 107) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ

quy định cơ cấu, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

+ Thành phố loại đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là Cục Thống kê thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 7 biên chế công chức.

+ 11 tỉnh, thành phố thuộc tỉnh loại I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm các Cục Thống kê: Quảng Ninh, Sơn La, TP Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP Cần Thơ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 6 biên chế công chức.

+ 50 tỉnh, thành phố còn lại thuộc tỉnh loại II, loại III theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 3 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 5 biên chế công chức.

b) Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực

Qua phân tích thực trạng việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện nay tại Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực hoạt động về bản chất Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực là phòng chuyên môn thống kê đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện trước năm 2010. Do vậy, Tổng cục Thống kê đề xuất tổ chức lại Chi cục Thống kê cấp huyện, Chi cục Thống kê khu vực thành Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính cấp huyện (***áp dụng tiêu chí giống như phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện***) để phát huy tối đa những thuận lợi sau:

- Thống nhất trong chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Cục Thống kê cũng như lãnh đạo Huyện ủy, HĐND và UBND cấp huyện đối với hoạt động thống kê trên đại bàn đơn vị hành chính cấp huyện. Vì chức năng của Chi cục Thống kê đã thể hiện rõ nội dung này *“là cơ quan thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức hoạt động thống kê trên địa bàn theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thống kê) giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn cấp huyện; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính quyền cấp huyện và cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”*.

- Thuận lợi cho việc triển khai, quản lý các hoạt động thống kê theo cấp hành chính; kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; phạm vi quản lý theo đơn vị hành chính 01 huyện vì thế các hoạt động thống kê sẽ bám sát phản ánh đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương; Đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê cho cấp ủy, chính quyền cấp huyện tốt hơn.

- Nguồn nhân lực thống kê không bị phân tán, vì vậy quá trình quản lý, điều hành của Lãnh đạo sẽ thuận lợi, công chức thống kê yên tâm bám sát địa bàn, theo dõi tình hình sát thực tế, giảm bớt chi phí đi lại giữa hai, ba địa phương trong khi hiệu quả quản lý, hiệu quả phục vụ tốt hơn. Do vậy, việc thu thập, tổng hợp, biên soạn báo cáo thống kê, đánh giá chất lượng cán bộ được thuận lợi hơn.

- Mọi quan hệ công tác giữa ngành thống kê với các phòng, ban có liên quan cấp huyện, cấp xã gần gũi hỗ trợ cho nhau được tốt hơn nhất là trong công tác triển khai chế độ báo cáo, chương trình điều tra và tổng điều tra của ngành thống kê.

- Hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể gắn liền với sự quản lý của cấp ủy đảng địa phương vì thế thuận lợi trong sinh hoạt đảng, đoàn thể, trong quản lý đảng viên, trong đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bố trí cán bộ, hiệp y công tác cán bộ, thuận lợi trong đánh giá tổ chức đảng và đảng viên hàng năm.

- Hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn.

- Khắc phục được các khó khăn như đã nêu trên.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

1. Mục tiêu: sắp xếp, kiện toàn, đổi mới cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chuyên môn hóa các khâu trong hoạt động thống kê, xóa bỏ quy trình hoạt động khép kín; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, chia sẻ, kết nối trong chỉ đạo, điều hành của Tổng cục Thống kê.

2. Nguyên tắc:

a) Nội dung của dự thảo Quyết định không thay đổi chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cơ cấu tổ chức bảo đảm vừa có tính kế thừa, vừa tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực, đồng bộ và thống nhất; rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm sự chỉ đạo trực tiếp, thống nhất và kịp thời của Thủ trưởng đơn vị.

c) Bảo đảm hệ thống quản lý nhà nước về thống kê từ trung ương đến địa phương được đồng bộ, thống nhất, vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

d) Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê hợp lý đủ để bao quát toàn bộ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức thực hiện nhiều việc, nhưng một việc không thể do nhiều tổ chức cùng chịu trách nhiệm. Những việc có liên quan đến nhiều tổ chức thì có một tổ chức được giao chủ trì và chịu trách nhiệm chính, các tổ chức khác có trách nhiệm phối hợp.

đ) Không tăng biên chế công chức, viên chức so với số biên chế được giao năm 2022.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH

Để xây dựng dự thảo Quyết định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao Tổng cục Thống kê đánh giá sau hơn 02 năm thực hiện các quy định của Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg và rà soát hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp tới việc xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê.

Thành lập Ban Soạn thảo, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, đồng thời tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Hồ sơ dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Dự thảo Quyết định cũng đã được gửi đến các Bộ, ngành có liên quan để lấy ý kiến. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý để chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định gửi Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ thẩm định theo quy định.

IV. NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

“b) Phòng Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Phòng Thống kê cấp huyện) thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

Cục Thống kê cấp tỉnh, Phòng Thống kê cấp huyện có con dấu riêng, có trụ sở làm việc và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định”.

Điều 5. Quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành của Quyết định

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và bãi bỏ khoản b Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện các bước xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg theo đúng trình tự, thủ tục; hồ sơ bảo đảm đầy đủ theo quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Điểm b

Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

1. Tờ trình về dự thảo Quyết định;
2. Dự thảo Quyết định;
3. Đề án Kiện toàn các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ,
Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Lưu: VT, TCTK (3b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3, Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

“n) Thanh tra Tổng cục Thống kê”

“b) Phòng Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Phòng Thống kê cấp huyện) thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

Cục Thống kê cấp tỉnh, Phòng Thống kê cấp huyện có con dấu riêng, có trụ sở làm việc và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định”.

Điều 2. Hiệu lực và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm 2023; bãi bỏ điểm n khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

a) Sắp xếp tổ chức Thanh tra Tổng cục Thống kê, các Phòng thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật.

b) Sắp xếp, kiện toàn đến hết Quý ... năm 2023 đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có 01 Phòng Thống kê.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Kho bạc Nhà nước;
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐỀ ÁN

**KIỆN TOÀN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP
THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

HÀ NỘI, NĂM 2022

MỤC LỤC

Phần I.....	1
TÍNH CẤP THIẾT VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN....	1
I. TÍNH CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ ÁN.....	2
1. Các chủ trương của Đảng	2
2. Các văn bản pháp luật của Nhà nước	3
3. Cơ sở thực tiễn.....	4
Phần II.....	7
QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG.....	7
VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	7
I. QUAN ĐIỂM	7
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	8
III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG	8
1. Cơ quan thống kê ở Trung ương.....	8
2. Cơ quan thống kê ở địa phương	9
IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI.....	9
1. Nguyên tắc chung:	9
2. Nguyên tắc cụ thể	9
Phần III.....	11
ĐÁNH GIÁ VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN.....	11
VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ	11
1. Thực trạng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức	11
1.1 Chức năng:.....	11
1.2 Nhiệm vụ:	11
1.3 Về mô hình tổ chức.....	13
2. Đánh giá thực hiện theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg.....	14
2.1 Kết quả thực hiện.....	14
2.2 Tồn tại, vướng mắc, khó khăn	16
3. Đánh giá, nhận xét chung	20
Phần IV	22
NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	22
1. Chức năng:.....	22
2. Nhiệm vụ, quyền hạn:.....	22
3. Cơ cấu tổ chức	22
3.1 Trung ương (gồm tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp).....	22
3.2 Địa phương	23
4. Đánh giá tác động	24
Phần V.....	26
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	26
1. Lộ trình triển khai thực hiện	26
2. Các giải pháp thực hiện	27
3. Phân công trách nhiệm.....	27

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP
THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phần I
TÍNH CẤP THIẾT VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. TÍNH CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Sau hơn 10 năm thực hiện Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và trực tiếp là Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê đã có bước phát triển cả về tổ chức và hoạt động; môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện, cơ sở vật chất, thiết bị được quan tâm đầu tư, tổ chức bộ máy được củng cố kiện toàn, nhân lực được sắp xếp lại hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, để tiếp cận kịp với xu hướng phát triển của thống kê khu vực, thế giới và yêu cầu đổi mới hoạt động thống kê quy định tại Luật Thống kê 2015; năm 2018, Tổng cục Thống kê đã tiếp cận với nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 123/2016/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời rà soát, đánh giá lại chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê để trình Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, ngày 18/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiệu lực thi hành từ 20/5/2020 (*bổ sung thêm chức năng điều phối hoạt động thống kê so với Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg*). Cụ thể, Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được tổ chức theo ngành dọc từ trung ương đến cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê được tổ chức lại từ Trung ương đến cấp huyện để phù hợp với chức năng nhiệm vụ.

Thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê đã dần đi vào hoạt động ổn định và phù hợp với thông lệ, tiêu chuẩn của thống kê quốc tế và đặc thù kinh tế, xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, trong khi Tổng cục Thống kê đang triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

Do vậy, để phù hợp với quy định của Chính phủ, Tổng cục Thống kê xây dựng Đề án kiện toàn mô hình tổ chức của các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê. Theo đó:

1. Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Thống kê nhằm bảo đảm triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và toàn diện các Nghị định của Chính phủ: số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP, số 120/2020/NĐ-CP cùng với việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình, Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo mục tiêu: *“Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương”, “việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó...”*.

2. Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Thống kê nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế về cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng người làm việc và phân công công việc tại các phòng và tương đương, đơn vị thuộc các Cục Thống kê, các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay để thực hiện mục tiêu giảm cơ cấu tổ chức đối với các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lặp, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị; sự chuyên môn hóa trong công tác tham mưu của các đơn vị chuyên môn, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và các nguồn lực vật chất khác của đơn vị từ cơ quan thống kê trung ương đến cơ quan thống kê cấp huyện.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ ÁN

1. Các chủ trương của Đảng

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, với mục tiêu: Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút người có đức, có tài vào hoạt động công vụ; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn các đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Các văn bản pháp luật của Nhà nước

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Thống kê ngày 23/11/2015;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2018/NĐ-CP.

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các văn bản chỉ đạo điều hành: Nghị quyết số 08/2021/QH15 ngày 23/7/2021 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 12/8/2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ trực tuyến toàn quốc với các địa phương về tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2021; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5319/VPCP-TCCV ngày 04/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn bản số 1156/TTg-TCCV ngày 13/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Căn cứ Chỉ thị số 7/CT-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê nhà nước;

- Các văn bản về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê: triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục trưởng đã ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị bên trong Tổng cục từ cấp phòng đến cấp Vụ nhằm cụ thể hóa hoạt động của từng đơn vị.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1 Tình hình thực tiễn khi thực hiện mô hình tổ chức Chi cục Thống kê khu vực

Tổng cục Thống kê cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg và chưa đạt được mục tiêu hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, đặc biệt đối với việc sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện cụ thể:

- *Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị:* Khi chưa sáp nhập, công tác thống kê được chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền cấp huyện mang lại hiệu quả cao, nhất là khâu tổ chức chỉ đạo thu thập thông tin thống kê từ cấp cơ sở; các đối tượng cung cấp thông tin (UBND cấp xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá

nhân) vẫn mặc định gắn với quản lý, điều hành của UBND cấp huyện nên ý thức chấp hành cao. Tuy nhiên, khi sáp nhập, việc tổ chức triển khai nhiệm vụ trên địa bàn liên huyện cần phải xin ý kiến chỉ đạo của cả hai UBND cấp huyện gây chậm trễ, thiếu đồng bộ, đặc biệt việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện khi triển khai các cuộc Tổng điều tra thống kê rất bất cập; khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, cung cấp, phân tích thông tin thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện và các thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược, đề án phát triển kinh tế xã hội, nhiệm kỳ đại hội, các thông tin đột xuất khác gắn với địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- *Khó khăn về biên chế công chức:*

Tổng cục Thống kê được giao 6.090 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2015 và 5.460 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2022. Tính chung, giai đoạn 2016-2022, giảm 630 chỉ tiêu, tương đương 10,34% so với số được giao năm 2015. Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế được giao năm 2015, như vậy biên chế công chức của ngành Thống kê đã bị giảm hơn so với mức quy định tối thiểu.

Tính đến ngày 01/10/2022, 63 Cục Thống kê cấp tỉnh 315 phòng, bình quân 5,57 biên chế/phòng (trừ 189 lãnh đạo 63 Cục Thống kê theo định mức quy định); có 565 Chi cục Thống kê cấp huyện (gồm 434 Chi cục Thống kê cấp huyện và 131 Chi cục Thống kê khu vực), bình quân 5,65 biên chế/Chi cục (*Chi tiết tại Phụ lục số I*).

+ Khi sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện, số lượng công chức của một Chi cục Thống kê khu vực quá ít, trung bình 07-09 công chức trong khi phải theo dõi tình hình kinh tế - xã hội của 02 đến 03 đơn vị hành chính cấp huyện, đồng thời triển khai các cuộc điều tra, tổng điều tra; tham gia vào các Ban Chỉ đạo công tác của 02 đến 03 huyện như xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm xã hội cũng như tham gia các công tác chỉ đạo, kiểm tra đánh giá tình hình kinh tế - xã hội các xã định kỳ 6 tháng, năm; tham gia các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện cùng phát sinh vào một thời điểm và yêu cầu của Lãnh đạo huyện là Chi cục trưởng tham dự....

Với lực lượng biên chế như hiện nay và phạm vi quản lý rộng nên không thể đáp ứng được các yêu cầu công tác của Cục Thống kê và địa phương giao dẫn đến quá tải, không nắm sát tình hình của từng huyện để phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền cấp huyện.

+ Việc bố trí công chức ở 02 địa điểm làm việc khác nhau, phạm vi rộng, nhân lực mỏng nên quá trình điều hành của Lãnh đạo Chi cục rất khó khăn nhất là khi phải triển khai nhiều công tác cùng một thời điểm dẫn đến phát sinh chi phí trong khi nguồn kinh phí được cấp không được bổ sung cho các phát sinh này. Mặt khác, với khối lượng công việc và đặc thù địa lý Việt Nam kéo dài từ Bắc vào Nam, địa hình không giống nhau, gồm các vùng miền núi, đồng bằng, trung du, biên giới, hải đảo,...nên việc phân bổ dân cư, số lượng doanh nghiệp, hộ

kinh doanh... tại các địa phương không đều gây khó khăn đối với việc đi lại của công chức khi triển khai thu thập, giám sát các cuộc điều tra, tổng điều tra.

+ Việc phối hợp công tác với các phòng, ban cấp huyện bị hạn chế so với trước đây do nhân lực thống kê bị phân tán (nhất là đối với địa điểm làm việc không đặt trụ sở chính của Chi cục Thống kê khu vực) vì vậy trên lý thuyết vị thế của Chi cục Thống kê khu vực so với Phòng trước đây được nâng lên nhưng trong thực tế bị giảm xuống vì các lý do nêu trên, đặc biệt là không thể đáp ứng được các yêu cầu công tác của Cục Thống kê và địa phương giao, không nắm sát tình hình của từng huyện để phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính quyền cấp huyện.

- *Khó khăn về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc:* Do việc thực hiện nhiệm vụ chính trị vẫn thực hiện trên địa bàn hành chính cấp huyện nên Trụ sở làm việc hiện nay vẫn do Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí; chưa được cấp kinh phí xây dựng Trụ sở Chi cục Thống kê khu vực do chi phí vận hành hoạt động của Chi cục Thống kê khu vực lớn (tăng chi phí mặt bằng, xây dựng, bảo vệ, di tu bảo dưỡng sửa chữa hàng năm); trụ sở làm việc hiện nay của Chi cục Thống kê chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng tối đa là 5 công chức nên không thể bố trí công chức làm việc tại Chi cục Thống kê khu vực đóng trụ sở chính có từ 7-9 công chức.

- *Khó khăn về công tác cán bộ, đảng, đoàn thể:* Với số lượng biên chế của Chi cục Thống kê quá ít, số lượng đảng viên hầu hết các Chi cục Thống kê không đủ để thành lập Chi bộ độc lập mà chủ yếu sinh hoạt ghép với các Chi bộ khác thuộc hai Huyện ủy. Do vậy, khó khăn để thành lập Chi bộ thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của Chi cục Thống kê khu vực. Hiện nay, công chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn hành chính cấp huyện nên vẫn công tác, sinh hoạt đảng tại trụ sở cũ. Do vậy, khi bổ nhiệm công chức lãnh đạo khó khăn trong việc xin ý kiến hiệp ý của cấp ủy đảng cùng cấp. Công tác tổ chức cán bộ gặp nhiều khó khăn trong bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp, điều chuyển vị trí công tác. Công tác công đoàn, đoàn thanh niên cũng khó khăn tương tự như công tác đảng.

3.2 Kết quả đánh giá khi thực hiện mô hình tổ chức thống kê khu vực

Tổng cục Thống kê đã tổ chức xin ý kiến lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND và lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND bằng văn bản đối với 268 đơn vị hành chính cấp huyện trước đây đã thực hiện mô hình tổ chức thống kê khu vực, kết quả như sau:

a) Ý kiến của lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh

Kết quả: 76,8% ý kiến khảo sát lựa chọn mô hình Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính là mô hình phù hợp nhất với cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê cấp tỉnh; 70,12% ý kiến khảo sát đánh giá mô hình Chi cục Thống kê khu vực hiện nay không phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu trong

công tác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê và các nhiệm vụ chính trị đối với cấp huyện hiện nay.

b) Ý kiến đối với lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kết quả: 76,54% ý kiến đánh giá mô hình Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính là phù hợp; 88,38% ý kiến khảo sát đánh giá mô hình Chi cục Thống kê khu vực hiện nay không phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn huyện.

Tóm lại, trên cơ sở lấy ý kiến của lãnh đạo cấp huyện và lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện, kết quả thu được là **Mô hình Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính** thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh được đánh giá là mô hình tổ chức thống kê cấp huyện **phù hợp nhất** trong công tác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê và các nhiệm vụ chính trị đối với cấp huyện hiện nay.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Kiện toàn, sắp xếp đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê từ Trung ương cấp huyện phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, thống nhất; bảo đảm ổn định tổ chức, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, không gây xáo trộn lớn. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

3. Gắn sắp xếp các đơn vị với việc đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống thống kê tập trung tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Bảo đảm phát huy hiệu quả nguồn lực cho phát triển của ngành Thống kê; nâng cao chất lượng thông tin thống kê.

4. Cấp ủy, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền; kiên trì vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống thống kê tập trung và sự đồng thuận, ủng hộ của Lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các địa phương.

5. Việc sắp xếp các đơn vị bên trong Tổng cục Thống kê vừa căn cứ theo các tiêu chuẩn các quy định của Chính phủ; đồng thời, phải chú trọng cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị.

6. Trong quá trình thực hiện sắp xếp các đơn vị phải đồng thời giải quyết chế độ, chính sách hợp lý cho công chức, viên chức có liên quan và có lộ trình bố trí, sắp xếp hợp lý để bảo đảm đúng số lượng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Tổng Cục Thống kê đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian.

2. Quá trình sắp xếp, tổ chức lại phải bảo đảm không làm gián đoạn, xáo trộn việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

Đề án quy định việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị bên trong thuộc Tổng cục Thống kê, bao gồm:

1. Cơ quan thống kê ở Trung ương

1.1 Đơn vị hành chính

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê;
- Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê;
- Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia;
- Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản;
- Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
- Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ;
- Vụ Thống kê Giá;
- Vụ Thống kê Dân số và Lao động;
- Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường;
- Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Kế hoạch tài chính;
- Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê;
- Văn phòng;
- Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

1.2 Đơn vị sự nghiệp

- Viện Khoa học Thống kê;
- Tạp chí Con số và Sự kiện;
- Nhà Xuất bản Thống kê;
- Trường Cao đẳng Thống kê;

- Trường Cao đẳng Thống kê II.

2. Cơ quan thống kê ở địa phương

- Cục Thống kê tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đơn vị hành chính cấp tỉnh (gọi chung là Cục Thống kê cấp tỉnh) thuộc Tổng cục Thống kê.

- Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực (gọi chung là Chi cục Thống kê cấp huyện) thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

1. Nguyên tắc chung

- Sắp xếp cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê với quy mô phù hợp, bảo đảm gắn kết và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thống kê trên phạm vi cả nước.

- Kiện toàn tổ chức bên trong Tổng cục theo nguyên tắc nếu tổ chức nào cần thiết phải có thì thành lập theo tiêu chí do Chính phủ quy định, tổ chức nào không thật cần thiết thì sắp xếp lại cho phù hợp.

- Rà soát, bảo đảm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng cục Thống kê.

2. Nguyên tắc cụ thể

2.1 Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cơ quan Thống kê ở Trung ương bảo đảm quy định về tiêu chí thành lập Vụ, Cục, cấp phòng và tương đương được quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP (viết gọn là Nghị định số 101) ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cụ thể như sau:

- Về chức năng, nhiệm vụ

+ Vụ, Cục thuộc cơ quan Tổng cục phải có chức năng tham mưu giúp Tổng cục trưởng chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thống kê được phân công trong ngành và lĩnh vực quy định tại Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của đơn vị.

+ Phòng thuộc Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL), Văn phòng Tổng cục phải có chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý theo nhiệm vụ của Cục TTDL, Văn phòng.

- Về số lượng biên chế công chức

+ Cấp Vụ phải bố trí 15 biên chế công chức trở lên;

+ Cấp Cục phải bố trí từ 30 biên chế công chức trở lên;

+ Cấp Phòng phải bố trí 7 biên chế công chức trở lên.

2.2 Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê bảo đảm quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

- Về chức năng, nhiệm vụ: Các tổ chức sự nghiệp thuộc Tổng cục phải có chức năng quản lý cụ thể lĩnh vực quy định tại Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của đơn vị. Phòng, tổ chức sự nghiệp thuộc Cục TTDL phải có chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý theo nhiệm vụ của Cục, đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê.

- Về số lượng biên chế viên chức: Đơn vị sự nghiệp đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người; Phòng, ban và tương đương (gọi chung là Phòng) thuộc đơn vị sự nghiệp phải bố trí từ 7 người làm việc là viên chức trở lên.

2.3 Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chuyên môn tương đương phòng thuộc cấp Sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số lượng biên chế công chức của các phòng thuộc Cục Thống kê để kiện toàn, sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP (viết gọn là Nghị định 107) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định cơ cấu, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

- Thành phố trực thuộc Trung ương loại đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là Cục Thống kê thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 7 biên chế công chức.

- 11 tỉnh, thành phố thuộc tỉnh loại I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm các Cục Thống kê: Quảng Ninh, Sơn La, TP Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP Cần Thơ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 6 biên chế công chức.

- 50 tỉnh, thành phố còn lại thuộc tỉnh loại II, loại III theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 3 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 5 biên chế công chức.

2.4 Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chuyên môn tương đương phòng thuộc UBND cấp huyện và số lượng biên chế công chức để kiện toàn, tổ chức lại Chi cục Thống kê cấp huyện thành Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP (viết gọn là Nghị định 108) ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

và căn cứ Chỉ thị số 7/CT-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê nhà nước.

Phần III

ĐÁNH GIÁ VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

1. Thực trạng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1.1 Chức năng

Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và thực hiện 4 chức năng: Quản lý nhà nước về thống kê; điều phối hoạt động thống kê; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

1.2 Nhiệm vụ

Tổng cục Thống kê thực hiện 18 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, gồm:

- Trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định: Các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thống kê; Chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình hành động về thống kê; Sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia; nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phân loại thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng thông tin thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước;

- Trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định: Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê, phân loại thống kê ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê được phân công; Quy chế phổ biến thông tin thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung; Thông tư, quyết định, chỉ thị, đề án và các văn bản khác về lĩnh vực thống kê thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện các nội dung: Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê quốc gia, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp huyện; Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và chương trình điều tra thống kê quốc gia theo quy định của pháp luật; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật; Tổ chức, điều phối các

hoạt động: Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến; phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông; kết nối, cung cấp dữ liệu, thông tin giữa các hệ thống thông tin thống kê nhà nước; thực hiện tiêu chuẩn quản lý và đánh giá chất lượng thông tin thống kê; báo cáo kết quả tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê trong hoạt động thống kê nhà nước.

- Ban hành và tổ chức thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê và theo quy định của pháp luật. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

- Thẩm định chuyên môn, nghiệp vụ đối với: Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành bao gồm cả chỉ tiêu thống kê được điều chỉnh, bổ sung; chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành; phân loại thống kê ngành, lĩnh vực; số liệu thống kê của Bộ, ngành trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phương án điều tra thống kê do Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tổng điều tra dân số và nhà ở; tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; tổng điều tra kinh tế và tổng điều tra, điều tra thống kê khác do Thủ tướng Chính phủ phân công. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê trong chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định. Tổ chức thu thập thông tin, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo quy định của pháp luật.

- Quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu Bộ, ngành; cung cấp dữ liệu, thông tin có liên quan đến thông tin thống kê đã được công bố trong cơ sở dữ liệu thống kê cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; thực hiện bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Phân tích và dự báo thống kê theo chương trình thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê.

- Tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê; kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được cấp có thẩm quyền công bố; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

- Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, điều tra viên thống kê và cộng tác viên thống kê.

- Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và lao động hợp đồng; thực hiện chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thống kê và các chế độ đãi ngộ khác; thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quản lý các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm chống lãng phí; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê và theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật.

1.3 Về mô hình tổ chức

- **Cơ quan thống kê ở Trung ương gồm 15 đơn vị:** Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê; Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia; Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ; Vụ Thống kê Giá; Vụ Thống kê Dân số và Lao động; Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường; Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Kế hoạch tài chính; Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê; Văn phòng Tổng cục Thống kê; Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

- Cơ quan thống kê ở địa phương

+ 63 Cục Thống kê tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thống nhất mô hình 5 phòng, gồm: Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Thống kê Kinh tế, Phòng Thống kê Xã hội, Phòng Thu thập thông tin thống kê và Phòng Tổ chức - Hành chính (*giảm 110 phòng so với Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg, giảm từ 425 phòng xuống còn 315 phòng*).

+ Chi cục Thống kê cấp huyện: gồm Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Chi cục Thống kê khu vực, thực hiện lộ trình sắp xếp Chi cục Thống kê cấp huyện đến hết năm 2021 còn 565 Chi cục Thống kê (*giảm 140 Chi cục Thống kê*).

- Đơn vị sự nghiệp

+ Thuộc Tổng cục Thống kê gồm 5 đơn vị: Viện Khoa học Thống kê; Tạp chí Con số và Sự kiện; Trường Cao đẳng Thống kê; Trường Cao đẳng Thống kê II; Nhà Xuất bản Thống kê.

+ Đơn vị sự nghiệp Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê thuộc Tổng cục (trương đương cấp phòng) gồm 4 đơn vị: Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I; Trung tâm Tin học Thống kê khu vực II; Trung tâm Tin học Thống kê khu vực III; Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ thống kê (giảm 4 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp vụ xuống cấp phòng)/

2. Đánh giá thực hiện theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg

2.1 Kết quả thực hiện

a) Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

- Việc thực hiện 4 chức năng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg đã nâng cao vai trò, vị thế của ngành Thống kê trong công tác tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê trong hệ thống thống kê nhà nước và tổ chức triển khai các hoạt động thống kê theo chương trình thống kê quốc gia cũng như cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng các cấp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

b) Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

Sau hơn 02 năm thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, toàn Ngành Thống kê đã đạt được những kết quả đáng kể, cụ thể:

+ Chất lượng thông tin thống kê, phân tích và dự báo được nâng cao, phục vụ hiệu quả và kịp thời cho việc đánh giá tình hình, đề ra các giải pháp điều hành kinh tế - xã hội của đất nước;

+ Hoàn thành các cuộc điều tra trong kế hoạch, bảo đảm chất lượng thông tin thu thập; thực hiện thành công Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ; Điều tra doanh nghiệp hằng năm; Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

+ Tiếp tục đổi mới phương pháp chế độ thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam;

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động thống kê. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dự báo, cảnh báo kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực; tiến tới kết nối, chia sẻ dữ liệu kinh tế - xã hội thông qua trực liên thông quốc gia;

+ Thực hiện hiệu quả Luật Thống kê, phối hợp với bộ, ngành địa phương sửa đổi một số điều của Luật Thống kê; Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Triển khai có hiệu quả các đề án lớn của ngành như Đề án 715, Đề án Khu vực kinh tế chưa được quan sát;

+ Thực hiện thành công và hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ; sắp xếp bộ máy tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ngành;

+ Thực hiện tốt công tác thống kê nước ngoài và hợp tác quốc tế, tiếp tục mở rộng, tăng cường hội nhập quốc tế, thúc đẩy hợp tác trong công tác thống kê, hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020 trong hoàn cảnh dịch Covid-19 lây lan mạnh trong khu vực;

+ Đổi mới mạnh mẽ trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, quản lý tài chính.

c) Về thực hiện mô hình tổ chức

- Về thực hiện chuyên môn của ngành Thống kê sau khi sắp xếp lại tổ chức:

+ Đã thực hiện được việc chuyên môn hóa hoạt động thống kê từ khâu xây dựng phương án, thu thập, tổng hợp, xử lý, biên soạn, phân tích, dự báo và công bố, lưu trữ thông tin thống kê. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê.

Khắc phục được những bất cập, tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời phân định rõ các khâu công việc, đặc biệt là khâu thu thập thông tin, tiếp nhận, xử lý dữ liệu đầu vào, sử dụng thông tin đầu ra.

+ Đáp ứng được những đòi hỏi về tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời, khả năng tiếp cận, khả năng giải thích, tính chặt chẽ của thông tin thống kê, đồng thời thực hiện theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình thống kê.

+ Đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, cụ thể: Đáp ứng quan điểm và nguyên tắc kiện toàn mô hình tổ chức trong thời kỳ mới; những yêu cầu mới của Luật Thống kê năm 2015; yêu cầu thực tiễn; yêu cầu hội nhập quốc tế.

+ Kiểm tra, giám sát và đánh giá độc lập chất lượng thông tin thống kê thu thập qua các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê.

+ Khai thác có hiệu quả các dữ liệu thống kê làm tăng giá trị của các dữ liệu, đặc biệt có nhiều nghiên cứu, phân tích chuyên sâu các vấn đề kinh tế - xã hội.

+ Thu thập và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả; chỉ tiêu thống kê về liên kết vùng trong phát triển kinh tế xã hội, chỉ tiêu về môi trường, nhằm phục vụ cho việc hoạch định chính sách cho phát triển các vùng của nước ta.

+ Gắn chức năng quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động thống kê trong toàn Ngành. Đồng thời, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Việc thực hiện mô hình tổ chức theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg chuẩn hóa được đội ngũ lãnh đạo từ cấp vụ đến cấp phòng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo trong ngành Thống kê.

d) Về số lượng đơn vị sau khi sắp xếp, sáp nhập theo mô hình tổ chức mới

- Cơ quan Tổng cục Thống kê:

+ Sắp xếp đơn vị cấp Vụ thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê: giảm 4 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp Vụ xuống cấp phòng tương đương giảm 8 lãnh đạo cấp Vụ;

+ Tổ chức lại 15 đơn vị hành chính thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê: sáp nhập Vụ Thống kê Công nghiệp, Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn Đầu tư để thành lập Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; thành lập Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê thực hiện hoạt động thu thập thông tin thống kê và quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin.

- Cơ quan thống kê ở địa phương (Cục Thống kê cấp tỉnh và Chi cục Thống kê cấp huyện)

63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiện toàn sáp nhập từ mô hình tổ chức gồm 6,7,8 phòng (tại Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg) thống nhất thực hiện mô hình 5 phòng, giảm từ 425 phòng xuống còn 315 phòng (giảm 110 phòng), tương đương với việc giảm 220 lãnh đạo cấp phòng.

Sắp xếp Chi cục Thống kê cấp huyện đến 01/9/2021 còn 565 Chi cục Thống kê (từ 705 Chi cục Thống kê cấp huyện còn 565 Chi cục; giảm 140 Chi cục, tương đương giảm 280 lãnh đạo Chi cục).

Đến nay, Tổng cục Thống kê đã sắp xếp các tổ chức, kiện toàn nhân sự lãnh đạo các đơn vị đảm bảo hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công chức, viên chức đang giữ chức vụ Vụ trưởng và tương đương, Trưởng phòng và tương đương không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực đã được bố trí chức vụ Phó Vụ trưởng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương và được bảo lưu phụ cấp chức vụ cấp trưởng đến hết nhiệm kỳ bổ nhiệm (có trường hợp được bảo lưu nhiệm kỳ gần 5 năm) theo quy định tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

2.2 Tồn tại, vướng mắc, khó khăn

a) Một số tồn tại, khó khăn khi thực hiện mô hình tổ chức Chi cục Thống kê khu vực theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg

- Khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị:

+ Khó khăn trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ trên địa bàn liên huyện khi cần phải xin ý kiến chỉ đạo của cả hai UBND cấp huyện chậm và thiếu đồng

bộ, đặc biệt việc thành lập ban Chỉ đạo cấp huyện khi triển khai Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đang diễn ra hiện nay rất bất cập;

+ Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, cung cấp, phân tích thông tin thống kê, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện và các thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược, đề án phát triển kinh tế xã hội, nhiệm kỳ đại hội, các thông tin đột xuất khác gắn với địa bàn cấp huyện.

+ Khó khăn đối với việc đi lại của công chức khi trong việc triển khai thu thập, giám sát các cuộc điều tra, tổng điều tra do đặc thù địa lý Việt Nam kéo dài từ Bắc vào Nam, địa hình không giống nhau (gồm các vùng miền núi, đồng bằng, trung du, biên giới, hải đảo...) nên việc phân bố dân cư, số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh... tại các địa phương không đều.

- Khó khăn về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí trụ sở làm việc đối với Chi cục Thống kê khu vực nên hiện nay, chưa có kinh phí được cấp cho việc xây dựng Trụ sở Chi cục Thống kê khu vực bởi chi phí vận hành hoạt động của Chi cục Thống kê khu vực tăng về chi phí mặt bằng, xây dựng, bảo vệ, di tu bảo dưỡng sửa chữa hàng năm;

+ Trụ sở làm việc hiện nay của Chi cục Thống kê chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng tối đa là 5 công chức. Do vậy, không thể bố trí công chức làm việc tại Chi cục Thống kê khu vực đóng trụ sở chính có từ 8-10 công chức.

- Khó khăn về công tác cán bộ, đảng, đoàn thể:

+ Khó khăn trong việc thành lập Chi bộ thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của Chi cục Thống kê khu vực do số lượng biên chế của Chi cục Thống kê quá ít, số lượng đảng viên hầu hết các Chi cục không đủ để thành lập Chi bộ độc lập mà chủ yếu sinh hoạt ghép với các Chi bộ khác thuộc hai Huyện ủy.

+ Khó khăn trong công tác tổ chức cán bộ: bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp, điều chuyển vị trí công tác, xin ý kiến hiệp ý của cấp ủy đảng cùng cấp do công chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn hành chính cấp huyện nên vẫn công tác, sinh hoạt đảng tại trụ sở cũ.

+ Công tác công đoàn, đoàn thanh niên cũng khó khăn tương tự như công tác đảng.

b) Một số khó khăn nếu thực hiện mô hình tổ chức theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP

- Việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn cấp phòng tại cơ quan Cục Thống kê

Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục, đặc biệt là phục vụ, tham mưu về lĩnh vực thống kê trên địa bàn tỉnh, thành phố giúp lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh điều hành kinh tế - xã hội trong bối cảnh biên chế được giao vô cùng ít (bình quân 4,93 biên

chế/phòng) thì hiện nay đã vô cùng khó khăn khi triển khai nhiệm vụ chuyên môn. Chính những khó khăn như trên, nếu áp dụng tiêu chí thành lập phòng theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ thì Cục Thống kê không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ vì lý do sau:

+ Khi thành lập Chi cục Thống kê khu vực việc sáp nhập từ 2-3 Chi cục Thống kê đã gặp khó khăn 8-10 biên chế), trong khi quy định Nghị định số 101/2020/NĐ-CP nếu thành lập Chi cục Thống kê khu vực phải sáp nhập 4 Chi cục Thống kê (15 biên chế) sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Số lượng biên chế được giao ít và tiếp tục phải thực hiện tinh giảm theo chủ trương của Nhà nước nên khó bố trí, sắp xếp để đảm bảo cho các phòng hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao.

+ Mô hình mới yêu cầu một công chức phải theo dõi, phụ trách nhiều phần nghiệp vụ khác nhau, do vậy thời gian nắm bắt, nghiên cứu chuyên sâu nghiệp vụ bị ảnh hưởng.

- Việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn Chi cục Thống kê cấp huyện

Thứ nhất, việc chuyển đổi từ phòng Thống kê sang Chi cục Thống kê nhưng số lượng công chức không thay đổi, thậm chí tiếp tục giảm đi do thực hiện tinh giảm biên chế (*tiếp tục giảm 5% biên chế theo Kết luận 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026*) nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ gặp rất nhiều khó khăn, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công việc do thiếu con người, đặc biệt là không có công chức làm công tác văn thư, kế toán của Chi cục dẫn đến công chức nghiệp vụ phải kiêm nhiệm.

Thứ hai, đối với Chi cục Thống kê khu vực:

+ Hiện nay, cấp quản lý hành chính ở nước ta là 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Trên cơ sở đó, hình thành nên bộ máy các cơ quan chuyên môn phục vụ sự lãnh chỉ đạo điều hành quản lý, phát triển kinh tế-xã hội của mỗi cấp. Cấp ủy, chính quyền của mỗi địa phương dựa trên điều kiện thực tế, thế mạnh, đặc điểm, tình hình xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chỉ tiêu để điều hành, lãnh chỉ đạo thực hiện. Trong khi các cơ quan chuyên môn khác của cấp huyện chỉ thực hiện chức năng quản lý một lĩnh vực như: nông lâm nghiệp và thủy sản, y tế, giáo dục, văn hóa, ... thì Chi cục Thống kê cấp huyện phải thu thập, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện toàn bộ các chỉ tiêu theo kế hoạch, nghị quyết của cấp ủy chính quyền huyện. Khối lượng công việc nhiều, liên quan đến nhiều ngành và các xã, phường, thị trấn. Việc sáp nhập Chi cục Thống kê của 02 huyện (hoặc 03 huyện) thành Chi cục Thống kê vùng dẫn đến khối lượng công việc chuyên môn tăng gấp 3 hoặc 4 lần so với trước khi sáp nhập, mức độ phức tạp, khác nhau của các chỉ tiêu thống kê cần thu thập tăng lên do cấp ủy, chính quyền mỗi địa phương xây dựng và đưa ra khác nhau. Điều này, gây ra khó khăn rất lớn đối với Chi cục

Thống kê vùng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, rất khó để hoàn thành theo yêu cầu của cấp ủy và chính quyền của các địa phương.

+ Do địa giới hành chính là 02, 3, 4 huyện khác nhau, phạm vi rộng, nghị quyết, mục tiêu, chỉ tiêu, phương pháp, quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo từng địa phương cũng khác nhau,... nên Lãnh đạo Chi cục (nhất là Chi cục trưởng) phải quán xuyến, nghiên cứu, nắm tình hình kinh tế - xã hội của cả 2, 3, 4 huyện cùng một lúc, phải có những nhận định, đề xuất trong thực hiện nhiệm vụ với Lãnh đạo chính quyền cả 2, 3, 4 huyện; mỗi huyện có các yêu cầu thực hiện báo cáo, các thông tin thống kê kinh tế - xã hội đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị khác nhau. Những thông tin trùng nhau lại có sự so sánh, điều này đã gây khó khăn trong công tác tham mưu phục vụ số liệu cho từng huyện, cũng như phổ biến thông tin thống kê theo địa bàn đối với Chi cục Thống kê khu vực.

+ Đồng chí Chi cục trưởng phải tham gia rất nhiều cuộc họp trên địa bàn 2, 3, 4 huyện, thậm chí trùng nhau về thời gian tổ chức họp, cụ thể như: họp các Ban chỉ đạo cấp huyện do đồng chí là thành viên; các cuộc họp do Huyện ủy - HĐND - UBND 02, 3, 4 huyện triệu tập; các cuộc họp do các phòng ban, ngành trong huyện hoặc UBND xã mời. Như vậy riêng việc tham dự các cuộc họp ngoài Ngành tại hai huyện đã chiếm rất nhiều thời gian của Chi cục trưởng, không còn thời gian để kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ, ...; trong khi khoảng cách giữa 2 huyện khá xa, đi lại vất vả và tốn nhiều chi phí. Nếu thực hiện thanh toán chế độ công tác phí cho Chi cục trưởng 01 tháng theo quy định của Bộ Tài chính tốn kém hơn phụ cấp chức vụ 01 tháng cho 01 Chi cục trưởng (trước khi sáp nhập).

Thực tế có thời điểm 2, 3, 4 huyện cùng mời họp vào 01 thời gian và đều mời đích danh Chi cục trưởng (không đồng ý cử Phó chi cục trưởng đi họp thay), việc lựa chọn tham gia cuộc họp tại huyện nào cũng là một vấn đề khó khăn. Đôi khi, Lãnh đạo huyện tổ chức họp theo ca, mời thống kê tham dự ca sau, Chi cục trưởng đi từ huyện này sang huyện kia để chờ họp nhưng quá giờ họp lại nhận được thông báo của Chánh văn phòng “do nội dung ca họp trước chưa thể kết thúc, nên ca sau sẽ chuyển họp buổi khác, Văn phòng sẽ thông báo sau”.

+ Việc tổ chức các cuộc họp của Chi cục Thống kê như: giao ban hàng tuần, hàng tháng; họp xét duyệt quy hoạch hoặc các cuộc họp đột xuất... để triển khai nhiệm vụ chuyên môn vì khoảng cách giữa các trụ sở làm việc xa nên rất khó khăn, chi phí đi lại cho công chức không thanh toán được (do quy định và không có nguồn).

+ Cùng một nội dung báo cáo cần phải 2, 3, 4 Thống kê viên thực hiện ở 2, 3, 4 huyện, phần nào ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành, công việc đôi lúc không chủ động được như trước; điều này cũng gây khó khăn trong công tác đánh giá cán bộ.

+ Công tác kiểm tra, giám sát tại địa bàn: Khối lượng công việc nhiều, Chi cục trưởng phải quán xuyên cả 2, 3 huyện nên việc kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên, chủ yếu chạy theo tiến độ công việc. Qua 02 năm hoạt động theo mô hình mới nhưng các đồng chí Chi cục trưởng chưa biết hết được địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của mình. Một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một phần do khoảng cách địa lý từ trụ sở chính tới xã quá xa; nếu bố trí đi giám sát tại cơ sở phải mất nhiều ngày vì Chi cục không có phương tiện giao thông bố trí cho giám sát viên, Chi cục không đủ ngân sách để chi trả tiền công tác phí cho Chi cục trưởng hoặc công chức được cử đi kiểm tra, giám sát.

+ Công tác kế toán: Kế toán Chi cục là kế toán kiêm nhiệm, vào những thời điểm cuối quý có rất nhiều công việc liên quan đến thanh, quyết toán (nhất là thù lao điều tra thống kê) trên 2, 3 địa phương, do đó ảnh hưởng đến nhiệm vụ chuyên môn thống kê được giao cho kế toán kiêm nhiệm cũng như việc phân công công việc để các thống kê viên hỗ trợ nhau... Việc thực hiện chi trả thù lao đối với điều tra viên trên địa bàn 2,3 huyện rất khó khăn, mất nhiều thời gian do địa bàn rộng, điều tra viên ở các xã xa không thể đến ký nhận thù lao theo đúng lịch hẹn được.

+ Công tác văn thư:

Công tác tiếp nhận - xử lý văn bản đến: Văn thư Chi cục là văn thư kiêm nhiệm, việc thực hiện phân văn bản của 2, 3 huyện gặp rất nhiều khó khăn, mất rất nhiều thời gian do không có chuyên môn sâu và khối lượng văn bản nhiều. Một số đơn vị ngoài ngành chưa sử dụng hệ thống văn bản điện tử hoặc những văn bản mật, văn bản của Huyện ủy, của Công an huyện thường được gửi đến trụ sở làm việc của Chi cục trên địa huyện, trong khi Chi cục trưởng hoặc văn thư không có mặt ở trụ sở nhận được văn bản. Vì vậy, văn thư không thể vào sổ và chuyển cho Chi cục trưởng xử lý trong ngày.

Có nhiều văn bản cần ký và đóng dấu trực tiếp bằng bản giấy theo quy định dấu của cơ quan được giao cho công chức thực hiện công tác văn thư quản lý, cần đóng dấu gấp để gửi văn bản không kịp thời.

Việc hướng dẫn về quản lý văn bản đến, đi, vào sổ, văn thư, quản lý lưu trữ tài liệu chưa có văn bản hướng dẫn nên thực hiện rất bất cập và khó khăn, không đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều này ảnh hưởng đến tiến độ của một số công việc phát sinh trên cả 2,3 huyện; tính không kịp thời của yêu cầu xử lý văn bản.

3. Đánh giá, nhận xét chung

Nhìn chung, hơn 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, Tổng cục Thống kê đã đạt được kết quả chủ yếu sau:

- Đối với việc sắp xếp các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, các phòng thuộc Cục Thống kê **đã đảm bảo được mục tiêu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả** theo tinh thần chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Một là, Tổng cục Thống kê ban hành kế hoạch triển khai và có lộ trình sắp xếp, tinh giản các đầu mối từ cơ quan Tổng cục đến Chi cục Thống kê cấp huyện nhằm giảm bớt sự chồng chéo, nhiều đầu mối của bộ máy, giảm gánh nặng cho ngân sách, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị chuyên môn trong toàn hệ thống thống kê tập trung.

Hai là, khắc phục tình trạng một việc nhiều người làm, dẫn đến chồng chéo, thì nay cơ quan tham mưu giúp việc sẽ căn cứ vào nội dung để giao nhiệm vụ cụ thể cho đầu mối. Ngược lại, có những việc phức tạp cần nhiều người tham gia như triển khai các cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở, Tổng điều tra kinh tế cơ quan, đơn vị tham mưu, chủ trì giúp việc sẽ huy động các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện. Qua đây, giúp đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân. Từ đó, chọn được cán bộ tốt, loại bỏ được những người không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Như vậy, việc tinh giản, sắp xếp tổ chức, bộ máy ở Tổng cục Thống kê không những nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy mà còn góp phần phát hiện, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Ba là, quan điểm chung của Lãnh đạo Tổng cục trong chỉ đạo thực hiện là: việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức phải đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng và pháp luật, đảm bảo tính thống nhất lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong sắp xếp bộ máy; lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn làm mục tiêu hàng đầu. Xác định phải đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; vừa có tính kế thừa, ổn định, vừa đảm bảo tính đổi mới, phát triển; gắn đổi mới bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế; chú trọng về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo từ cấp Phòng đến cấp Vụ, đặc biệt là trọng dụng người có năng lực thực sự, đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn. Khi sắp xếp tổ chức bộ máy đều đảm bảo nguyên tắc, một đơn vị thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, nhất là nêu cao vai trò người đứng đầu.

Bốn là, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, đơn vị, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả. Tinh thần chung là thực hiện khẩn trương, kiên quyết, chắc chắn để đạt mục tiêu về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống thống kê tập trung và các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Năm là, chuyên môn hóa hoạt động thống kê, đồng thời phân định rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sáp nhập, khắc phục chồng chéo,

mâu thuẫn trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn ngành Thống kê.

- Tổng cục Thống kê cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện thành Chi cục Thống kê khu vực theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg và **chưa đạt được mục tiêu hoạt động hiệu lực, hiệu quả** theo tinh thần chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW vì đã bộc lộ khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, khó khăn về biên chế, sử dụng công chức, khó khăn về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, khó khăn về công tác cán bộ, đảng, đoàn thể.

Phần IV NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

Căn cứ vào phân tích ở trên khi triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg (những thuận lợi, khó khăn), Tổng cục Thống kê đề xuất cụ thể như sau:

1. Chức năng: Giữ nguyên chức năng của Tổng cục Thống kê đã quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg, cụ thể: Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và thực hiện 4 chức năng: Quản lý nhà nước về thống kê; điều phối hoạt động thống kê; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn: Giữ nguyên các nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng cục đã quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg.

3. Cơ cấu tổ chức

3.1 Trung ương (gồm tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp)

- Giữ nguyên 15 đơn vị hành chính cấp Vụ thuộc cơ quan Tổng cục vì đã đảm bảo tiêu chí thành lập Vụ, Cục theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

Sắp xếp các đơn vị cấp phòng thuộc Văn phòng Tổng cục, giảm từ 6 phòng xuống còn 4 phòng đảm bảo tiêu chí quy định phòng phải bố trí 7 biên chế công chức trở lên.

- Giữ nguyên 5 đơn vị sự nghiệp công lập tương đương cấp Vụ thuộc Tổng cục Thống kê và 04 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp phòng thuộc Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin vì đã đảm bảo tiêu chí thành lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Sắp xếp các đơn vị cấp phòng thuộc 5 đơn vị sự nghiệp trên đảm bảo tiêu chí quy định: Công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối

lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên.

3.2. Địa phương

Giữ nguyên 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vì đáp ứng đủ tiêu chí thành lập cục theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, Tổng cục Thống kê rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong của Cục Thống kê để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cụ thể:

a) Đối với các phòng thuộc cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh

- *Về chức năng, nhiệm vụ:* Các phòng thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thống kê theo quy định tại Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- *Về số lượng công chức:* Cục Thống kê cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn tương đương cấp Sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP (viết gọn là Nghị định 107) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định cơ cấu, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

+ Tỉnh, thành phố thuộc tỉnh loại đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là Cục Thống kê thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 7 biên chế công chức.

+ 11 tỉnh, thành phố thuộc tỉnh loại I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm các Cục Thống kê: Quảng Ninh, Sơn La, TP Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP Cần Thơ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 4 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 6 biên chế công chức.

+ 50 tỉnh, thành phố còn lại thuộc tỉnh loại II, loại III theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Lãnh đạo Cục: mỗi đơn vị bố trí 3 lãnh đạo Cục; cấp Phòng: mỗi Phòng bố trí tối thiểu 5 biên chế công chức.

b) Cấp huyện (việc tổ chức lại Chi cục Thống kê thành Phòng Thống kê cấp huyện)

Qua phân tích thực trạng việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện nay tại Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực hoạt động về bản chất Chi cục Thống kê cấp huyện, khu vực là phòng chuyên môn thống kê đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện trước năm 2010. Do vậy, Tổng cục Thống kê đề xuất tổ chức lại Chi cục Thống kê cấp huyện, Chi cục Thống kê khu vực thành Phòng Thống kê cấp

huyện theo đơn vị hành chính cấp huyện (*áp dụng tiêu chí giống như phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*) để phát huy tối đa những thuận lợi sau:

- Thống nhất trong chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Cục Thống kê cũng như lãnh đạo Huyện ủy, UBND cấp huyện đối với hoạt động thống kê trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện. Vì chức năng của Chi cục Thống kê đã thể hiện rõ nội dung này “là cơ quan thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức hoạt động thống kê trên địa bàn theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thống kê) giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn cấp huyện; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính quyền cấp huyện và cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”.

- Thuận lợi cho việc triển khai, quản lý các hoạt động thống kê theo cấp hành chính; kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; phối hợp với lãnh đạo đơn vị hành chính cấp xã trong hoạt động thống kê; quản lý cán bộ của Chi cục trưởng.

- Đáp ứng nhu cầu thông tin cho cấp ủy, chính quyền cấp huyện tốt hơn.

- Việc thu thập, tổng hợp, biên soạn báo cáo thống kê, đánh giá chất lượng cán bộ được tốt hơn.

- Hoạt động đảng, đoàn thể được thống nhất; quan hệ, phối hợp giữa thống kê viên và các phòng ban của huyện được thuận lợi.

- Khắc phục được các khó khăn về thực hiện nhiệm vụ chính trị, biên chế công chức, công tác cán bộ, hoạt động đảng, đoàn thể và cơ sở vật chất như đã phân tích nêu trên.

4. Đánh giá tác động Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg

Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê sẽ minh định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn tại cơ quan Cục Thống kê và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Thống kê cấp huyện có trụ sở đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung phù hợp với các quy định mới và tinh thần đổi mới toàn diện hoạt động thống kê của Tổng cục Thống kê trong Luật Thống kê 2015 và sửa đổi Luật Thống kê 2021, đồng thời quy định rõ mối quan hệ trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thống kê giữa các đơn vị trong hệ thống thống kê nhà nước, cụ thể:

- Để phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ và phạm vi điều chỉnh Quyết định, tại dự thảo Quyết định đã xác định cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê theo mô hình ngành dọc, phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ cũng như bảo đảm giữ ổn định về cơ cấu tổ chức như hiện nay, gồm:

+ Cơ quan thống kê trung ương là Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê gồm: cục, vụ, văn phòng, đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Cơ quan thống kê cấp tỉnh là Cục Thống kê. Cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, các phòng chuyên môn tại cơ quan Cục và Phòng Thống kê cấp huyện đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Xác định cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê. Số lượng đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê cấp huyện sẽ được quy định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê.

- Xác định rõ vị trí, chức năng của Tổng cục Thống kê tương tự như quy định của Luật thống kê 2015 và xác định rõ Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các tổ chức, cá nhân.

Phân chia nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê thành các nhóm nhiệm vụ sau:

+ Nhóm nhiệm vụ tham mưu, gắn liền với quản lý nhà nước về thống kê đã được Luật thống kê 2015 giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện.

+ Nhóm nhiệm vụ giao phân cấp cho Tổng cục Thống kê tổ chức thực hiện độc lập.

+ Nhóm nhiệm vụ quản lý thống nhất hệ thống cơ quan thống kê địa phương và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Xác định rõ Cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn; điều phối và tổ chức các hoạt động thống kê theo chương trình công tác do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tương tự như Tổng cục Thống kê, phân chia nhiệm vụ của Cục Thống kê thành các nhóm nhiệm vụ sau:

+ Nhóm nhiệm vụ về thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án liên quan đến lĩnh vực thống kê; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.

+ Nhóm nhiệm vụ về chuyên môn nghiệp vụ thống kê do cơ quan thống kê cấp tỉnh trực tiếp thực hiện.

+ Nhóm nhiệm vụ về giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác thống kê trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Xác định rõ Phòng Thống kê cấp huyện là cơ quan thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức hoạt động thống kê trên địa bàn theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn cấp huyện; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính quyền cấp huyện và cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Phân chia nhiệm vụ của Phòng Thống kê cấp huyện thành các nhóm nhiệm vụ sau:

+ Nhóm nhiệm vụ về thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án liên quan đến lĩnh vực thống kê; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.

+ Nhóm nhiệm vụ về chuyên môn nghiệp vụ thống kê do cơ quan thống kê cấp huyện trực tiếp thực hiện.

+ Nhóm nhiệm vụ về giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thống kê trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cấp xã;

Thực hiện theo phương án trên sẽ đạt được lợi ích tối đa trong việc phù hợp với thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, tạo hệ thống hoàn chỉnh về tổ chức bộ máy cơ quan thống kê tập trung, phân định rành mạch các nhóm nhiệm vụ về chuyên môn nghiệp vụ, nhóm nhiệm vụ về quản lý nhà nước, quản lý trong nội bộ hệ thống các cơ quan thống kê tập trung. Phương án này cũng sẽ khắc phục được những hạn chế như đã phân tích ở trên, đặc biệt là việc tổ chức lại Chi cục Thống kê cấp huyện, Chi cục Thống kê khu vực thành Phòng Thống kê cấp huyện sẽ tối ưu hóa được chức năng, nhiệm vụ, là đơn vị cơ sở thu thập thông tin kinh tế - xã hội trên địa bàn hành chính cấp huyện phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp huyện, từ đó góp phần thực hiện tốt việc đánh giá, phân tích, dự báo tình hình kinh tế - chính trị của quốc gia.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình triển khai thực hiện

- **Đến hết Quý II/2023:** thành lập 705 Phòng Thống kê cấp huyện đặt tại 705 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Quý IV/2023:** đánh giá việc thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg để tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức tại Cục Thống kê cấp tỉnh, Phòng Thống kê cấp huyện theo Nghị định số 107 và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn

thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giải pháp thực hiện: trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Phân công trách nhiệm

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chỉ đạo Tổng cục Thống kê làm tốt công tác chính trị, tư tưởng đối với công chức, người lao động về chủ trương của Đảng, Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đồng thời nắm bắt tư tưởng của công chức trong đơn vị đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ của từng Cục Thống kê.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí trụ sở làm việc cho các Phòng Thống kê cấp huyện.

b) Tổng cục Thống kê

- Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung các quy định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.

- Đến hết Quý I/2023 quyết định thành lập 705 Phòng Thống kê cấp huyện. Hướng dẫn sắp xếp tổ chức Phòng Thống kê, triển khai hoạt động thống kê, sắp xếp cơ sở vật chất để các Phòng Thống kê thực hiện thống nhất.

- Sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức của các đơn vị trong toàn ngành Thống kê đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định để hoạt động ổn định hiệu quả, tránh đứt gãy khi thực hiện nhiệm vụ./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC I
CHI CỤC THỐNG KÊ CẤP HUYỆN, KHU VỰC THUỘC CỤC THỐNG KÊ CẤP TỈNH
(Tính đến ngày 01/10/2022)

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
			565	131	705	3.190
1	CTK Hải Dương					53
1	Huyện Bình Giang	Hải Dương	12			4
2	Huyện Nam Sách	Hải Dương				5
3	Huyện Thanh Miện	Hải Dương				4
4	Huyện Kim Thành	Hải Dương				4
5	Huyện Cẩm Giàng	Hải Dương				4
6	Huyện Gia Lộc	Hải Dương			12	4
7	Huyện Ninh Giang	Hải Dương				4
8	Huyện Thanh Hà	Hải Dương				4
9	Huyện Tứ Kỳ	Hải Dương				4
10	Huyện Kinh Môn	Hải Dương				5
11	Thị xã Chí Linh	Hải Dương				5
12	TP Hải Dương	Hải Dương				6
2	CTK Lào Cai					40
1	KV Bắc Hà-SiMaCai-Mường Khương	Lào Cai	6	1		12
2	KV Bảo Yên-Văn Bàn	Lào Cai		1		9
3	Huyện Sa Pa	Lào Cai			9	4
4	Huyện Bát Xát	Lào Cai				4
5	Huyện Bảo Thắng	Lào Cai				5
6	Thành phố Lào Cai	Lào Cai				6
3	CTK Sơn La					51
1	KV Sơn La - Mường La	Sơn La	6	1		8
2	KV Mộc Châu - Vân Hồ	Sơn La		1		8
3	KV Phù Yên - Bắc Yên	Sơn La		1	12	9
4	KV Sông Mã - Sốp Cộp	Sơn La		1		8
5	KV Mai Sơn - Yên Châu	Sơn La		1		9
6	KV Thuận Châu - Quỳnh Nhai	Sơn La		1		9

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục	
4	CTK An Giang					51	
1	KV Châu Đốc - An Phú	An Giang	10	1		9	
2	H. Tịnh Biên	An Giang				4	
3	H. Tri Tôn	An Giang				5	
4	H. Châu Thành	An Giang				4	
5	TX. Tân Châu	An Giang			11	4	
6	Huyện Thoại Sơn	An Giang				5	
7	Huyện Phú Tân	An Giang				5	
8	Huyện Châu Phú	An Giang				5	
9	TP. Long Xuyên	An Giang				5	
10	Huyện Chợ Mới	An Giang				5	
5	CTK Bạc Liêu					27	
1	KV Vĩnh Lợi - Hòa Bình	Bạc Liêu	5	1		7	
2	KV Phước Long - Hồng Dân	Bạc Liêu			1	7	7
3	Thị xã Giá Rai	Bạc Liêu					4
4	Huyện Đông Hải	Bạc Liêu					4
5	Thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu					5
6	CTK Bắc Giang					42	
1	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	9			4	
2	Huyện Yên Thế	Bắc Giang					4
3	KV Bắc Giang - Yên Dũng	Bắc Giang			1		9
4	Huyện Tân Yên	Bắc Giang					4
5	Huyện Việt Yên	Bắc Giang				10	5
6	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang					4
7	Huyện Lục Nam	Bắc Giang					4
8	Huyện Lục Ngạn	Bắc Giang					4
9	Huyện Hiệp Hoà	Bắc Giang					4
7	CTK Bắc Kạn					34	
1	Kv Bạch Thông - Ngân Sơn	Bắc Kạn	5	1		8	
2	KV Bắc Kạn - Chợ Mới	Bắc Kạn			1		8
3	Huyện Na Rì	Bắc Kạn				8	5
4	KV Ba Bể - Pác Nặm	Bắc Kạn			1		7
5	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn					6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
8	CTK Bắc Ninh					34
1	Huyện Gia Bình	Bắc Ninh	8			4
2	Huyện Lương Tài	Bắc Ninh				4
3	Huyện Tiên Du	Bắc Ninh				4
4	Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh			8	4
5	Huyện Quế Võ	Bắc Ninh				4
6	Thị xã Từ Sơn	Bắc Ninh				4
7	Huyện Yên Phong	Bắc Ninh				4
8	TP Bắc Ninh	Bắc Ninh				6
9	CTK Bến Tre					38
1	KV Chợ Lách-Mỏ Cày Bắc	Bến Tre	5	1		8
2	KV Bến Tre-Châu Thành	Bến Tre		1		9
3	KV Bình Đại-Ba Tri	Bến Tre		1	9	8
4	KV Mỏ Cày Nam-Thạnh Phú	Bến Tre		1		8
5	Huyện Giồng Trôm	Bến Tre				5
10	CTK Bình Dương					42
1	KV Phú Giáo - Bắc Tân Uyên	Bình Dương	7	1		8
2	KV Bàu Bàng - Dầu Tiếng	Bình Dương		1		8
3	Thị xã Bến Cát	Bình Dương				5
4	Thị xã Tân Uyên	Bình Dương			9	5
5	Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương				6
6	Thị xã Dĩ An	Bình Dương				5
7	Thị xã Thuận An	Bình Dương				5
11	CTK Bình Định					48
1	Huyện An Lão	Bình Định	9			3
2	KV Tuy Phước - Vân Canh	Bình Định		1		7
3	Huyện Hoài Ân	Bình Định				4
4	KV Tây Sơn - Vĩnh Thạnh	Bình Định		1	11	7
5	Huyện Phù Mỹ	Bình Định				5
6	Thị xã An Nhơn	Bình Định				5
7	Huyện Phù Cát	Bình Định				5
8	Huyện Hoài Nhơn	Bình Định				6
9	Thành phố Quy Nhơn	Bình Định				6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
12	CTK Bình Phước					44
1	KV Phước Long - Bù Gia Mập - Phú Riềng	Bình Phước	6	1		10
2	KV Bù Đốp - Lộc Ninh	Bình Phước		1		8
3	KV Bình Long - Hớn Quản	Bình Phước		1		8
4	Huyện Chơn Thành	Bình Phước			11	5
5	KV Đồng Xoài - Đồng Phú	Bình Phước		1		8
6	Huyện Bù Đăng	Bình Phước				5
13	CTK Bình Thuận					45
1	Huyện Phú Quý	Bình Thuận	8			3
2	Huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận				5
3	KV Đức Linh - Tánh Linh	Bình Thuận		1		9
4	KV La Gi - Hàm Tân	Bình Thuận		1	10	9
5	Huyện Bắc Bình	Bình Thuận				5
6	Huyện Tuy Phong	Bình Thuận				5
7	Huyện Hàm Thuận Bắc	Bình Thuận				4
8	Thành phố Phan Thiết	Bình Thuận				5
14	CTK Cà Mau					38
1	KV Năm Căn - Ngọc Hiển	Cà Mau	8	1		7
2	Huyện U Minh	Cà Mau				4
3	Huyện Phú Tân	Cà Mau				4
4	Huyện Thới Bình	Cà Mau			9	4
5	Huyện Cái Nước	Cà Mau				4
6	Huyện Đầm Dơi	Cà Mau				5
7	Huyện Trần Văn Thời	Cà Mau				4
8	TP Cà Mau	Cà Mau				6
15	CTK Cao Bằng					55
1	<i>Huyện Quảng Hòa</i>	Cao Bằng	10			6
2	<i>Huyện Hà Quảng</i>	Cao Bằng				6
3	Huyện Hạ Lang	Cao Bằng				5
4	Huyện Thạch An	Cao Bằng				4
5	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng			10	5
6	<i>Huyện Trùng Khánh</i>	Cao Bằng				7
7	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng				5
8	Huyện Hòa An	Cao Bằng				6
9	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng				6
10	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng				5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
16	CTK Cần Thơ					36
1	KV Cái Răng - Phong Điền	Cần Thơ	5	1	9	7
2	KV Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	Cần Thơ		1		7
3	KV Bình Thủy - Ô Môn	Cần Thơ		1		9
4	KV Cờ Đỏ - Thới Lai	Cần Thơ		1		7
5	Quận Ninh Kiều	Cần Thơ				6
17	CTK Đà Nẵng					31
1	KV Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	4	1	7	8
2	KV Cẩm Lệ - Hòa Vang	Đà Nẵng		1		8
3	KV Thanh Khê - Liên Chiểu	Đà Nẵng		1		9
4	Quận Hải Châu	Đà Nẵng				6
18	CTK Đắk Lắk					66
1	KV EaH'leo - Krông Búk	Đắk Lắk	9	1	15	8
2	KV Buôn Đôn - Ea Súp	Đắk Lắk		1		8
3	KV Lắk - Krông Bông	Đắk Lắk		1		8
4	KV Krông Ana - Cư Kuin	Đắk Lắk		1		7
5	KV Buôn Hồ - Krông Năng	Đắk Lắk		1		8
6	KV M'Drắk - Ea Kar	Đắk Lắk		1		10
7	Huyện CưM'gar	Đắk Lắk				5
8	Huyện Krông Pắc	Đắk Lắk				6
9	TP Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk				6
19	CTK Đắk Nông					38
1	KV Đắk R'Lấp - Tuy Đức	Đắk Nông	4	1	8	10
2	KV Gia Nghĩa - Đắk Glong	Đắk Nông		1		9
3	KV Cư Jút - Krông Nô	Đắk Nông		1		10
4	KV Đắk Mil - Đắk Song	Đắk Nông		1		9
20	CTK Điện Biên					44
1	Thị xã Mường Lay	Điện Biên	9		10	3
2	Huyện Mường Nhé	Điện Biên				5
3	Huyện Mường Chà	Điện Biên				4
4	Huyện Nậm Pồ	Điện Biên				4
5	Huyện Tủa Chùa	Điện Biên				5
6	KV Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Điện Biên		1		8
7	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên				4
8	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên				5
9	Huyện Điện Biên	Điện Biên				6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
21	CTK Đồng Nai					50
1	TX. Long Khánh	Đồng Nai	11			4
2	Huyện Vĩnh Cửu	Đồng Nai				4
3	Huyện Cẩm Mỹ	Đồng Nai				4
4	H. Thống Nhất	Đồng Nai				5
5	Huyện Tân Phú	Đồng Nai			11	4
6	Huyện Định Quán	Đồng Nai				4
7	Huyện Nhơn Trạch	Đồng Nai				4
8	Huyện Long Thành	Đồng Nai				5
9	Huyện Xuân Lộc	Đồng Nai				5
10	H. Trảng Bom	Đồng Nai				4
11	TP. Biên Hòa	Đồng Nai				7
22	CTK Đồng Tháp					51
1	KV Hồng Ngự	Đồng Tháp	11	1		7
2	Huyện Tân Hồng	Đồng Tháp				4
3	Thành Phố Sa Đéc	Đồng Tháp				5
4	Huyện Tam Nông	Đồng Tháp				4
5	Huyện Tháp Mười	Đồng Tháp				4
6	Huyện Châu Thành	Đồng Tháp			12	5
7	Huyện Thanh Bình	Đồng Tháp				4
8	Huyện Lai Vung	Đồng Tháp				4
9	Thành Phố Cao Lãnh	Đồng Tháp				5
10	Huyện Lấp Vò	Đồng Tháp				4
11	Huyện Cao Lãnh	Đồng Tháp				5
23	CTK Gia Lai					74
1	Huyện Kông Chro	Gia Lai	12			4
2	Huyện Ia Pa	Gia Lai				4
3	Huyện Kbang	Gia Lai				5
4	KV Mang Yang - Đăk Đoa	Gia Lai			1	9
5	KV An Khê - Đăk Pơ	Gia Lai			1	8
6	Huyện Đức Cơ	Gia Lai				4
7	KV Chư Păh - Ia Grai	Gia Lai			1	17
8	KV Ayun Pa - Phú Thiện	Gia Lai			1	8
9	Huyện Krông Pa	Gia Lai				4
10	huyện Chư Prông	Gia Lai				5
11	KV Chư Sê - Chư Puh	Gia Lai			1	8
12	Thành phố Pleiku	Gia Lai				7

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
24	CTK Hà Giang					48
1	Huyện Quán Bạ	Hà Giang	10			4
2	Huyện Bắc Mê	Hà Giang				4
3	TP Hà Giang	Hà Giang				4
4	Huyện Xín Mần	Hà Giang			11	4
5	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang				5
6	Huyện Đồng Văn	Hà Giang				4
7	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang				4
8	Huyện Yên Minh	Hà Giang				5
9	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang				5
10	KV Bắc Quang - Quang Bình	Hà Giang			1	
25	CTK Hà Nam					23
1	KV Kim Thanh	Hà Nam	5	1		6
2	Huyện Duy Tiên	Hà Nam			6	5
3	Huyện Bình Lục	Hà Nam				3
4	Thành phố Phủ Lý	Hà Nam				5
5	Huyện Lý Nhân	Hà Nam				4
26	CTK Hà Nội					166
1	Sơn Tây	Hà Nội	30			5
2	Quận Hoàn Kiếm	Hà Nội				5
3	Huyện Đan Phượng	Hà Nội				6
4	Quận Tây Hồ	Hà Nội				5
5	Huyện Phúc Thọ	Hà Nội				5
6	Huyện Quốc Oai	Hà Nội				5
7	Huyện Mỹ Đức	Hà Nội				6
8	Huyện Thanh Oai	Hà Nội				6
9	Huyện Ứng Hòa	Hà Nội				6
10	Thạch Thất	Hà Nội				6
11	Huyện Phú Xuyên	Hà Nội				5
12	Huyện Mê Linh	Hà Nội				5
13	Huyện Hoài Đức	Hà Nội				6
14	Quận Nam Từ Liêm	Hà Nội				5
15	Huyện Thanh Trì	Hà Nội				5
16	Huyện Thường Tín	Hà Nội				5
17	Quận Ba Đình	Hà Nội				6
18	Quận Cầu Giấy	Hà Nội				6
19	Huyện Gia Lâm	Hà Nội				5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục		
20	Huyện Ba Vì	Hà Nội				6		
21	Quận Thanh Xuân	Hà Nội				6		
22	Quận Long Biên	Hà Nội				5		
23	Quận Hà Đông	Hà Nội				6		
24	Hai Bà Trưng	Hà Nội				6		
25	Huyện Chương Mỹ	Hà Nội				6		
26	Bắc Từ Liêm	Hà Nội				5		
27	Huyện Sóc Sơn	Hà Nội				5		
28	Huyện Đông Anh	Hà Nội				6		
29	Quận Hoàng Mai	Hà Nội				6		
30	Quận Đống Đa	Hà Nội				6		
27	CTK Hà Tĩnh							57
1	Huyện Vũ Quang	Hà Tĩnh				13		13
2	TX.Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	4					
3	TX Kỳ Anh	Hà Tĩnh	4					
4	Huyện Lộc Hà	Hà Tĩnh	4					
5	Huyện Nghi Xuân	Hà Tĩnh	4					
6	Huyện Hương Khê	Hà Tĩnh	4					
7	TP.Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	5					
8	Huyện Đức Thọ	Hà Tĩnh	5					
9	Huyện Hương Sơn	Hà Tĩnh	5					
10	Huyện Kỳ Anh	Hà Tĩnh	4					
11	Huyện Can Lộc	Hà Tĩnh	5					
12	Huyện Thạch Hà	Hà Tĩnh	5					
13	Huyện Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	4					
28	CTK Hải Phòng				76			
1	KV Dương Kinh - Đồ Sơn - Kiến Thụy	Hải Phòng	11	1	15	11		
2	Quận Hồng Bàng	Hải Phòng				6		
3	Quận Kiến An	Hải Phòng				5		
4	Khu vực Hải An - Cát Hải - Bạch Long	Hải Phòng				11		
5	Huyện An Lão	Hải Phòng				5		
6	Huyện Tiên Lãng	Hải Phòng				5		
7	Quận Ngô Quyền	Hải Phòng				6		
8	Huyện An Dương	Hải Phòng				6		
9	Huyện Vĩnh Bảo	Hải Phòng				6		
10	Quận Lê Chân	Hải Phòng				7		
11	Huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng				8		

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
29	CTK Hậu Giang					32
1	KV Long Mỹ	Hậu Giang	4	1		8
2	KV Vị Thủy - Vị Thanh	Hậu Giang		1		8
3	KV Châu Thành A - Châu Thành	Hậu Giang		1	8	8
4	KV Phụng Hiệp - Ngã Bảy	Hậu Giang		1		8
30	CTK Hòa Bình					45
1	KV Hòa Bình - Đà Bắc	Hòa Bình	6	1		11
2	KV Tân Lạc - Cao Phong	Hòa Bình		1		8
3	Huyện Mai Châu	Hòa Bình				4
4	KV Lạc Sơn - Yên Thủy	Hòa Bình		1	10	9
5	Huyện Lương Sơn	Hòa Bình				5
6	KV Kim Bôi - Lạc Thủy	Hòa Bình		1		8
31	CTK TP Hồ Chí Minh					126
1	KV Nhà Bè - Cần Giờ	Hồ Chí Minh	21	1		9
2	Quận Phú Nhuận	Hồ Chí Minh				5
3	Quận 5	Hồ Chí Minh				5
4	Quận 4	Hồ Chí Minh				5
5	Quận 3	Hồ Chí Minh				5
6	Quận 1	Hồ Chí Minh				5
7	Quận 11	Hồ Chí Minh				5
8	Quận 10	Hồ Chí Minh				5
9	Quận 6	Hồ Chí Minh				5
10	Quận 7	Hồ Chí Minh				5
11	Huyện Củ Chi	Hồ Chí Minh				5
12	Quận 8	Hồ Chí Minh				5
13	Huyện Hóc Môn	Hồ Chí Minh				5
14	Quận Tân Bình	Hồ Chí Minh				6
15	Quận Bình Thạnh	Hồ Chí Minh				6
16	Quận Tân Phú	Hồ Chí Minh				6
17	TP Thủ Đức	Hồ Chí Minh				15
18	Quận 12	Hồ Chí Minh				6
19	Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh				6
20	Quận Gò Vấp	Hồ Chí Minh				6
21	Quận Bình Tân	Hồ Chí Minh				6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
32	CTK Hưng Yên					44
1	KV Phù Tiên	Hưng Yên	7	1		7
2	Huyện Mỹ Hào	Hưng Yên				5
3	KV Châu Giang	Hưng Yên		1		8
4	TP Hưng Yên	Hưng Yên			10	5
5	Huyện Văn Lâm	Hưng Yên				5
6	KV Kim Thi	Hưng Yên		1		9
7	Huyện Yên Mỹ	Hưng Yên				5
33	CTK Kiên Giang					67
1	KV Rạch Giá - Kiên Hải	Kiên Giang	13	1		9
2	Huyện Giang Thành	Kiên Giang				4
3	Thành phố Hà Tiên	Kiên Giang				5
4	KV Vĩnh Thuận - U Minh Thượng	Kiên Giang		1		6
5	Huyện Kiên Lương	Kiên Giang				4
6	Huyện An Minh	Kiên Giang				4
7	Huyện Phú Quốc	Kiên Giang			15	6
8	Huyện An Biên	Kiên Giang				4
9	Huyện Gò Quao	Kiên Giang				5
10	Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang				5
11	Huyện Châu Thành	Kiên Giang				5
12	Huyện Hòn Đất	Kiên Giang				5
13	Huyện Giồng Riềng	Kiên Giang				5
34	CTK Kon Tum					41
1	KV Kon Plông - Kon Rẫy	Kon Tum	6	1		8
2	KV Đăk Glei - Ngọc Hồi	Kon Tum		1		7
3	KV Đăk Tô - Tu Mơ Rông	Kon Tum		1		7
4	KV Sa Thầy - Ia H'Drai	Kon Tum		1	10	7
5	Huyện Đăk Hà	Kon Tum				5
6	Thành phố Kon Tum	Kon Tum				7

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
35	CTK Khánh Hòa					42
1	Huyện Trường Sa	Khánh Hòa	9			1
2	Huyện Khánh Sơn	Khánh Hòa				4
3	Huyện Cam Lâm	Khánh Hòa				5
4	Thành phố Cam Ranh	Khánh Hòa				6
5	Huyện Vạn Ninh	Khánh Hòa			9	5
6	Huyện Diên Khánh	Khánh Hòa				5
7	Huyện Khánh Vĩnh	Khánh Hòa				4
8	Thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa				6
9	Thành phố Nha Trang	Khánh Hòa				6
36	CTK Lai Châu					36
1	Huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	6			5
2	KV Lai Châu - Tam Đường	Lai Châu		1		8
3	Huyện Mường Tè	Lai Châu				5
4	KV Than Uyên	Lai Châu		1	8	9
5	Huyện Phong Thổ	Lai Châu				5
6	Huyện Sìn Hồ	Lai Châu				4
37	CTK Lạng Sơn					51
1	KV Lộc Bình-Đình Lập	Lạng Sơn	8	1		9
2	Huyện Văn Lãng	Lạng Sơn				5
3	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn				5
4	KV Văn Quan - Cao Lộc	Lạng Sơn		1		8
5	Huyện Tràng Định	Lạng Sơn			11	4
6	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn				5
7	KV Chi Lăng - Hữu Lũng	Lạng Sơn		1		10
8	TP Lạng Sơn	Lạng Sơn				5
38	CTK Lâm Đồng					54
1	KV Đà Lạt - Lạc Dương	Lâm Đồng	6	1		10
2	KV Đạ Huoai - Đạ Tẻh - Cát Tiên	Lâm Đồng		1		11
3	KV Lâm Hà - Đam Rông	Lâm Đồng		1		8
4	Huyện Di Linh	Lâm Đồng			12	5
5	KV Bảo Lộc - Bảo Lâm	Lâm Đồng		1		10
6	KV Đức Trọng - Đơn Dương	Lâm Đồng		1		10

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
39	CTK Long An					65
1	KV Kiến Tường - Mộc Hóa	Long An	13	1		7
2	Huyện Tân Hưng	Long An				4
3	Huyện Vĩnh Hưng	Long An				4
4	Huyện Thạnh Hóa	Long An				4
5	KV Đức Hòa - Đức Huệ	Long An		1		9
6	Huyện Tân Trụ	Long An				4
7	Huyện Tân Thạnh	Long An				4
8	Huyện Thủ Thừa	Long An			15	4
9	Huyện Châu Thành	Long An				5
10	Thành phố Tân An	Long An				5
11	Huyện Bến Lức	Long An				5
12	Huyện Cần Đước	Long An				5
13	Huyện Cần Giuộc	Long An				5
40	CTK Nam Định					48
1	KV Vụ Bản - Mỹ Lộc	Nam Định	9	1		7
2	Huyện Xuân Trường	Nam Định				5
3	Huyện Trực Ninh	Nam Định				4
4	Huyện Nghĩa Hưng	Nam Định				5
5	Huyện Giao Thủy	Nam Định			10	5
6	Huyện Nam Trực	Nam Định				4
7	Huyện Ý Yên	Nam Định				5
8	Thành phố Nam Định	Nam Định				6
9	Huyện Hải Hậu	Nam Định				7
41	CTK Ninh Bình					36
1	KV Ninh Bình - Hoa Lư	Ninh Bình	6	1		8
2	KV Yên Mô - Tam Điệp	Ninh Bình		1		8
3	Huyện Gia Viễn	Ninh Bình				5
4	Huyện Yên Khánh	Ninh Bình			8	5
5	Huyện Nho Quan	Ninh Bình				5
6	Huyện Kim Sơn	Ninh Bình				5
42	CTK Ninh Thuận					31
1	KV Ninh Sơn - Bác Ái	Ninh Thuận	4	1		9
2	KV Ninh Hải - Thuận Bắc	Ninh Thuận		1	7	8
3	KV Ninh Phước - Thuận Nam	Ninh Thuận		1		9
4	TP Phan Rang-Tháp Chàm	Ninh Thuận				5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
43	CTK Nghệ An					92
1	Thị xã Cửa Lò	Nghệ An	16			5
2	KV Quỳnh Châu - Quế Phong	Nghệ An		1		8
3	KV Nghĩa Đàn - Thái Hòa	Nghệ An		1		7
4	KV Anh Sơn - Con Cuông	Nghệ An		1		7
5	KV Kỳ Sơn - Tương Dương	Nghệ An		1		7
6	Thị xã Hoàng Mai	Nghệ An			21	4
7	Huyện Quỳnh Hợp	Nghệ An				4
8	Huyện Tân Kỳ	Nghệ An				4
9	KV Nam Đàn - Hưng Nguyên	Nghệ An		1		9
10	Huyện Đô Lương	Nghệ An				5
11	Huyện Nghi Lộc	Nghệ An				4
12	Huyện Thanh Chương	Nghệ An				4
13	Huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An				6
14	Huyện Yên Thành	Nghệ An				5
15	Huyện Diễn Châu	Nghệ An				5
16	Thành phố Vinh	Nghệ An				8
44	CTK Phú Thọ					53
1	KV Tam Nông - Thanh Thủy	Phú Thọ	7	1		8
2	KV Thanh Sơn - Tân Sơn	Phú Thọ		1		8
3	KV Lâm Thao - Phù Ninh	Phú Thọ		1	13	8
4	KV Đoan Hùng - Hạ Hòa	Phú Thọ		1		9
5	KV Thanh Ba - Phú Thọ	Phú Thọ		1		8
6	KV Cẩm Khê - Yên Lập	Phú Thọ		1		7
7	Thành phố Việt Trì	Phú Thọ				5
45	CTK Phú Yên					38
1	Huyện Sông Hinh	Phú Yên	9			4
2	Huyện Sơn Hòa	Phú Yên				3
3	Huyện Đồng Xuân	Phú Yên			9	4
4	Thị xã Sông Cầu	Phú Yên				4
5	Huyện Phú Hòa	Phú Yên				4
6	Huyện Đông Hòa	Phú Yên				5
7	Huyện Tây Hòa	Phú Yên				4
8	Huyện Tuy An	Phú Yên				4
9	Thành phố Tuy Hòa	Phú Yên				6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
46	CTK Quảng Bình					36
1	KV Tuyên Hóa - Minh Hóa	Quảng Bình	6	1		8
2	Huyện Quảng Ninh	Quảng Bình				5
3	KV Quảng Trạch - Ba Đồn	Quảng Bình		1	8	8
4	Thành phố Đồng Hới	Quảng Bình				5
5	Huyện Lệ Thủy	Quảng Bình				5
6	Huyện Bố Trạch	Quảng Bình				5
47	CTK Quảng Nam					77
1	KV Đông Giang - Tây Giang	Quảng Nam	12	1		8
2	KV Phước Sơn - Hiệp Đức	Quảng Nam		1		8
3	Huyện Nam Giang	Quảng Nam				4
4	KV Tiên Phước - Trà My	Quảng Nam		1		11
5	KV Quế Sơn - Nông Sơn	Quảng Nam		1		7
6	Thành phố Hội An	Quảng Nam			17	4
7	KV Tam Kỳ - Phú Ninh	Quảng Nam		1		8
8	Huyện Duy Xuyên	Quảng Nam				4
9	Huyện Núi Thành	Quảng Nam				6
10	Huyện Đại Lộc	Quảng Nam				5
11	Huyện Thăng Bình	Quảng Nam				7
12	Thị xã Điện Bàn	Quảng Nam				5
48	CTK Quảng Ninh					60
1	Huyện Cô Tô	Quảng Ninh	13			3
2	Huyện Ba Chẽ	Quảng Ninh				4
3	Huyện Bình Liêu	Quảng Ninh				3
4	Huyện Đầm Hà	Quảng Ninh				3
5	Huyện Vân Đồn	Quảng Ninh				5
6	Huyện Tiên Yên	Quảng Ninh				4
7	Huyện Hải Hà	Quảng Ninh			13	4
8	Thành phố Móng Cái	Quảng Ninh				5
9	Thành phố Uông Bí	Quảng Ninh				5
10	Thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh				4
11	Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh				6
12	Thành phố Cẩm Phả	Quảng Ninh				5
13	Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh				9

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
49	CTK Quảng Ngãi					63
1	Huyện Sơn Tây	Quảng Ngãi	12	1	13	3
2	Huyện Trà Bồng	Quảng Ngãi				6
3	Huyện Lý Sơn	Quảng Ngãi				3
4	Huyện Ba Tơ	Quảng Ngãi				6
5	Huyện Sơn Hà	Quảng Ngãi				6
6	KV Nghĩa Hành - Minh Long	Quảng Ngãi				7
7	Huyện Sơn Tịnh	Quảng Ngãi				4
8	Huyện Mộ Đức	Quảng Ngãi				5
9	Huyện Tư Nghĩa	Quảng Ngãi				5
10	Huyện Đức Phổ	Quảng Ngãi				6
11	Huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi				6
12	Thành phố Quảng Ngãi	Quảng Ngãi				6
50	CTK Quảng Trị					44
1	KV Vĩnh Linh-Cồn Cỏ	Quảng Trị	9	1	10	7
2	Thị xã Quảng Trị	Quảng Trị				5
3	Huyện Đakrông	Quảng Trị				4
4	Huyện Cam Lộ	Quảng Trị				4
5	Huyện Gio Linh	Quảng Trị				4
6	Huyện Hải Lăng	Quảng Trị				5
7	Huyện Hướng Hóa	Quảng Trị				5
8	Huyện Triệu Phong	Quảng Trị				5
9	Thành phố Đông Hà	Quảng Trị				5
51	CTK Sóc Trăng					48
1	KV Thạnh Trị - Ngã Năm	Sóc Trăng	6	1	11	8
2	KV Châu Thành - Mỹ Tú	Sóc Trăng				8
3	KV Long Phú - Cù Lao Dung - Trần Đề	Sóc Trăng				12
4	KV Sóc Trăng - Mỹ Xuyên	Sóc Trăng				10
5	Huyện Kế Sách	Sóc Trăng				5
6	Thị xã Vĩnh Châu	Sóc Trăng				5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
52	CTK Tây Ninh					38
1	KV Gò Dầu - Bến Cầu	Tây Ninh	8	1		8
2	Huyện Tân Biên	Tây Ninh				5
3	Huyện Dương Minh Châu	Tây Ninh			9	4
4	Huyện Tân Châu	Tây Ninh				4
5	Thành phố Tây Ninh	Tây Ninh				5
6	Huyện Châu Thành	Tây Ninh				4
7	Huyện Hòa Thành	Tây Ninh				4
8	Huyện Trảng Bàng	Tây Ninh				4
53	CTK Tiền Giang					49
1	Huyện Tân Phú Đông	Tiền Giang	11			4
2	Huyện Tân Phước	Tiền Giang				4
3	Thị xã Gò Công	Tiền Giang				4
4	Thị xã Cai Lậy	Tiền Giang				4
5	Huyện Gò Công Tây	Tiền Giang				4
6	Huyện Gò Công Đông	Tiền Giang			11	4
7	Huyện Chợ Gạo	Tiền Giang				5
8	Huyện Cai Lậy	Tiền Giang				5
9	Thành phố Mỹ Tho	Tiền Giang				5
10	Huyện Châu Thành	Tiền Giang				5
11	Huyện Cái Bè	Tiền Giang				5
54	CTK TT Huế					39
1	Huyện Nam Đông	TT- Huế	9			3
2	Huyện A Lưới	TT- Huế				5
3	Huyện Quảng Điền	TT- Huế				4
4	Huyện Phong Điền	TT- Huế				5
5	Thị xã Hương Thủy	TT- Huế			9	4
6	Thị xã Hương Trà	TT- Huế				4
7	Huyện Phú Lộc	TT- Huế				4
8	Huyện Phú Vang	TT- Huế				4
9	Thành Phố Huế	TT- Huế				6

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục	
55	CTK Tuyên Quang					30	
1	KV Na Hang - Lâm Bình	Tuyên Quang	5	1		6	
2	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang		7		4	
3	KV Chiêm Hóa - Hàm Yên	Tuyên Quang		1		9	
4	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang				5	
5	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang				6	
56	CTK Thái Bình					42	
1	Thành phố Thái Bình	Thái Bình	8			6	
2	Huyện Tiền Hải	Thái Bình				6	
3	Huyện Kiến Xương	Thái Bình				6	
4	Huyện Vũ Thư	Thái Bình		8	8	5	
5	Huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình				5	
6	Huyện Đông Hưng	Thái Bình				4	
7	Huyện Hưng Hà	Thái Bình				5	
8	Huyện Thái Thụy	Thái Bình				5	
57	CTK Thái Nguyên					34	
1	KV Phổ Yên - Sông Công	Thái Nguyên	6	1		6	
2	KV Phú Lương - Định Hóa	Thái Nguyên		1		7	
3	KV Đông Hỷ - Võ Nhai	Thái Nguyên		1	9	7	
4	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên				4	
5	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên				5	
6	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên				5	
58	CTK Thanh Hóa					132	
1	Huyện Mường Lát	Thanh Hóa	27			5	
2	Huyện Quan Sơn	Thanh Hóa				4	
3	Huyện Quan Hoá	Thanh Hóa				4	
4	H. Lang Chánh	Thanh Hóa				4	
5	Thị xã Bỉm Sơn	Thanh Hóa				5	
6	H. Như Xuân	Thanh Hóa				5	
7	H. Đông Sơn	Thanh Hóa				5	
8	Huyện Vĩnh Lộc	Thanh Hóa				4	
9	H. Thường Xuân	Thanh Hóa				4	
10	Huyện Như Thanh	Thanh Hóa				5	
11	Huyện Bá Thước	Thanh Hóa				4	
12	Thành phố Sầm Sơn	Thanh Hóa				5	
13	Huyện Cẩm Thủy	Thanh Hóa				4	
14	Huyện Hà Trung	Thanh Hóa		27		27	4
15	Huyện Ngọc Lặc	Thanh Hóa					5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
16	H.Thạch Thành	Thanh Hóa				4
17	Huyện Nga Sơn	Thanh Hóa				5
18	Huyện Thiệu Hoá	Thanh Hóa				5
19	Huyện Yên Định	Thanh Hóa				5
20	Huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa				5
21	Huyện Nông Cống	Thanh Hóa				6
22	Huyện Quảng Xương	Thanh Hóa				5
23	H. Triệu Sơn	Thanh Hóa				5
24	Huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa				6
25	Huyện Hoằng Hoá	Thanh Hóa				6
26	Thị xã Nghi Sơn	Thanh Hóa				5
27	Thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa				8
59	CTK Trà Vinh					
1	KV Trà Vinh - Châu thành	Trà Vinh	4	1		10
2	KV Tiểu Cần - Trà Cú	Trà Vinh		1		9
3	KV Cầu Ngang - Duyên Hải	Trà Vinh		1	8	11
4	KV Càng Long - Cầu Kè	Trà Vinh		1		9
60	CTK Vĩnh Long					36
1	Thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	8			4
2	Huyện Bình Tân	Vĩnh Long				4
3	Huyện Mang Thít	Vĩnh Long				5
4	Huyện Trà Ôn	Vĩnh Long			8	4
5	T. phố Vĩnh Long	Vĩnh Long				5
6	Huyện Tam Bình	Vĩnh Long				5
7	Huyện Vũng Liêm	Vĩnh Long				5
8	Huyện Long Hồ	Vĩnh Long				4
61	CTK Vĩnh Phúc					43
1	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	9			5
2	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc				4
3	Thành phố Phúc Yên	Vĩnh Phúc				5
4	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc				4
5	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc			9	5
6	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc				5
7	Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc				5
8	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc				5
9	Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc				5

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Tổng số CCTK cấp huyện, CCTK khu vực	Tổng số CCTK khu vực	CCTK theo đơn vị hành chính cấp huyện	Số Biên chế công chức được giao theo Chi cục
62	CTK Bà Rịa - Vũng Tàu					35
1	Huyện Côn Đảo	Vũng Tàu	7			4
2	TP. Bà Rịa	Vũng Tàu				5
3	KV Long Điền - Đất Đỏ	Vũng Tàu		1	9	8
4	Huyện Xuyên Mộc	Vũng Tàu				4
5	Thị xã Tân Thành	Vũng Tàu				4
6	Huyện Châu Đức	Vũng Tàu				4
7	TP. Vũng Tàu	Vũng Tàu				6
63	CTK Yên Bái					42
1	KV Văn Chấn - Nghĩa Lộ	Yên Bái	7	1		9
2	KV Yên Bình - Lục Yên	Yên Bái		1		9
3	Huyện Trạm Tấu	Yên Bái			11	4
4	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái				4
5	Huyện Trấn Yên	Yên Bái				5
6	TP Yên Bái	Yên Bái				6
7	Huyện Văn Yên	Yên Bái				5